BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 560/MĐC-TCCB
Về việc báo cáo kết quả phân loại đánh giá năm học 2017 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2018

Kính gửi: Vụ Tổ chức cán bộ
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Trường Đại học Mỏ - Địa chất kính gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả phân loại, đánh giá năm học 2017 - 2018 của Trường.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: HCTH, TCCB(8).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 972 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2017 - 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-MĐC ngày 09/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Kết luận cuộc họp của Hội đồng đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng năm học 2017 – 2018 ngày 19/7/2018 và ngày 27/7/2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2017 - 2018 gồm các cá nhân và đơn vị có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ VIÊN CHỨC
NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 972/TB-MĐC ngày 03 tháng 8 năm 2018)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
1	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế	x					
2	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế		x				
3	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế		x				
4	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tế		x				
5	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế		x				
6	Võ Thị Thu Trang	BM Tin học Kinh tế			x			
7	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế		x				
8	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế		x				
9	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất	x					
10	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất		x				
11	Dương Thị Tâm	BM Tin học Địa chất			x			
12	Phạm An Cương	BM Tin học Địa chất			x			
13	Ngô Hùng Long	BM Tin học Địa chất			x			
14	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất		x				
15	Bùi Thị Ánh Nguyệt	BM Tin học Địa chất			x			
16	Tạ Quang Chiểu	BM Tin học Cơ bản	x					
17	Đào Thị Thu Vân	BM Tin học Cơ bản		x				
18	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học Cơ bản	x					
19	Bùi Thị Vân Anh	BM Tin học Cơ bản		x				
20	Vũ Lan Phương	BM Tin học Cơ bản		x				
21	Vương Thị Như Quỳnh	BM Tin học Cơ bản		x				
22	Trần Thị Như Hoa	BM Tin học Cơ bản			x			
23	Phạm Đức Hậu	BM Tin học Cơ bản		x				
24	Đặng Quốc Trung	BM Tin học Cơ bản		x				
25	Dương Chí Thiện	BM Tin học Cơ bản		x				
26	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa	x					
27	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa	x					
28	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa		x				
29	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc địa		x				
30	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa	x					
31	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc địa		x				
32	Diêm Thị Thùy	BM Tin học Trắc địa			x			
33	Nguyễn Thị Phấn	BM Tin học Trắc địa			x			
34	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc địa			x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
35	Trần Thị Hòa	BM Tin học Trắc địa			x			
36	Trần Trường Giang	BM Tin học Trắc địa			x			
37	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin học Trắc địa			x			
38	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa			x			
39	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc địa			x			
40	Nguyễn Trường Linh	BM Tin học Trắc địa						x
41	Lê Hồng Anh	BM Khoa học máy tính	x					
42	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Khoa học máy tính		x				
43	Nguyễn Thùy Dương	BM Khoa học máy tính		x				
44	Nguyễn Duy Huy	BM Khoa học máy tính		x				
45	Đặng Văn Nam	BM Khoa học máy tính		x				
46	Nông Thị Oanh	BM Khoa học máy tính		x				
47	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính	x					
48	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính	x					
49	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính		x				
50	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính		x				
51	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính		x				
52	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính			x			
53	Đặng Xuân Điệp	BM Mạng máy tính			x			
54	*Phan Mạnh Tiến*	BM Mạng máy tính						x
55	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ Phần mềm	x					
56	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ Phần mềm	x					
57	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ Phần mềm		x				
58	Nguyễn Thị Hữu Phương	BM Công nghệ Phần mềm	x					
59	Đỗ Anh Tuấn	BM Công nghệ Phần mềm			x			
60	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ Phần mềm		x				
61	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ Phần mềm		x				
62	Phạm Thị Hải Vân	BM Công nghệ Phần mềm			x			
63	Nguyễn Thế Lộc	BM Công nghệ Phần mềm			x			
64	Bùi Thế Vinh	BM Công nghệ Phần mềm						x
65	Phạm Hữu Lợi	Phòng thí nghiệm Địa tin học		x				
66	Trần Thị Hải Vân	Phòng thí nghiệm Địa tin học		x				
67	Đào Thị Hồng Thắm	Phòng thí nghiệm Địa tin học			x			
68	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý	x					
69	Lê Hải An	BM Địa vật lý	x					
70	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý		x				
71	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý		x				
72	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
73	Trần Quang Trung	BM Địa vật lý		x				
74	Vũ Hồng Dương	BM Địa vật lý			x			
75	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý		x				
76	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý			x			
77	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý			x			
78	Trần Văn Hữu	BM Địa vật lý			x			
79	Phạm Văn Tuấn	BM Địa chất dầu khí	x					
80	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất dầu khí	x					
81	Nguyễn Thị Minh Hồng	BM Địa chất dầu khí			x			
82	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu khí		x				
83	Nguyễn Thị Thu Hằng	BM Địa chất dầu khí			x			
84	Nguyễn Minh Hòa	BM Địa chất dầu khí			x			
85	Nguyễn Duy Mười	BM Địa chất dầu khí			x			
86	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác	x					
87	Hồ Quốc Hoa	BM Khoan - Khai thác			x			
88	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác		x				
89	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác	x					
90	Lê Quang Duyến	BM Khoan - Khai thác	x					
91	Doãn Thị Trâm	BM Khoan - Khai thác			x			
92	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan - Khai thác			x			
93	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác		x				
94	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan - Khai thác		x				
95	Lê Văn Nam	BM Khoan - Khai thác			x			
96	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan - Khai thác			x			
97	Trương Văn Từ	BM Khoan - Khai thác			x			
98	Tô Hữu Toàn	BM Khoan - Khai thác			x			
99	Nguyễn Khắc Long	BM Khoan - Khai thác			x			
100	Tống Trần Anh	BM Khoan - Khai thác			x			
101	Trần Hữu Kiên	BM Khoan - Khai thác			x			
102	Bùi Thanh Bình	BM Khoan - Khai thác						x
103	Đỗ Thành Sỹ	BM Khoan - Khai thác						x
104	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu	x					
105	Ngô Thanh Hải	BM Lọc - Hóa dầu			x			
106	Tống Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu	x					
107	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu	x					
108	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu	x					
109	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu	x					
110	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc - Hóa dầu	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
111	Vũ Văn Toàn	BM Lọc - Hóa dầu			x			
112	Ngô Hà Sơn	BM Lọc - Hóa dầu	x					
113	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc - Hóa dầu			x			
114	Trần Ngọc Tuân	BM Lọc - Hóa dầu		x				
115	Phạm Trung Kiên	BM Lọc - Hóa dầu			x			
116	Đoàn Văn Huấn	BM Lọc - Hóa dầu			x			
117	Hồ Văn Sơn	BM Lọc - Hóa dầu			x			
118	Dương Viết Cường	BM Lọc - Hóa dầu						x
119	Nguyễn Văn Giáp	BM Thiết bị DK và CT		x				
120	Lê Đức Vinh	BM Thiết bị DK và CT	x					
121	Nguyễn Văn Thịnh	BM Thiết bị DK và CT	x					
122	Hoàng Anh Dũng	BM Thiết bị DK và CT	x					
123	Triệu Hùng Trường	BM Thiết bị DK và CT	x					
124	Nguyễn Thanh Tuấn	BM Thiết bị DK và CT		x				
125	Vũ Cúc Phương	BM Thiết bị DK và CT			x			
126	Trần Thiện Căn	BM Thiết bị DK và CT				x		
127	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Thiết bị DK và CT			x			
128	Đào Thị Uyên	BM Thiết bị DK và CT			x			
129	Nguyễn Phùng Hưng	BM Thiết bị DK và CT						x
130	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên	x					
131	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	x					
132	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	x					
133	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên	x					
134	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên		x				
135	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên	x					
136	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên	x					
137	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên	x					
138	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên	x					
139	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên		x				
140	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên	x					
141	Lê Thị Minh Hạnh	BM Khai thác lộ thiên			x			
142	Nhữ Văn Phúc	BM Khai thác lộ thiên				x		
143	Lê Thị Hải	BM Khai thác lộ thiên			x			
144	Đỗ Ngọc Hoàn	BM Khai thác lộ thiên			x			
145	Trần Đình Bão	BM Khai thác lộ thiên			x			
146	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò		x				
147	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò	x					
148	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
149	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò	x					
150	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò	x					
151	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò	x					
152	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò	x					
153	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò	x					
154	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò	x					
155	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò	x					
156	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò	x					
157	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác hầm lò		x				
158	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò		x				
159	Lê Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò			x			
160	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM Khai thác hầm lò			x			
161	Nguyễn Hồng Cường	BM Khai thác hầm lò			x			
162	Vũ Thái Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò			x			
163	Lê Quang Phục	BM Khai thác hầm lò			x			
164	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng	x					
165	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng	x					
166	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng	x					
167	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng	x					
168	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng	x					
169	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng	x					
170	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng	x					
171	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng	x					
172	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng	x					
173	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng	x					
174	Hoàng Hữu Đường	BM Tuyển khoáng			x			
175	Phạm Thanh Hải	BM Tuyển khoáng			x			
176	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu		x				
177	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu		x				
178	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu		x				
179	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu		x				
180	Nguyễn Viết Thắng	BM Sức bền vật liệu		x				
181	Dương Đức Hùng	BM Sức bền vật liệu		x				
182	Nguyễn Nam Hòa	BM Sức bền vật liệu			x			
183	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu			x			
184	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu			x			
185	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Đường lối CM của ĐCSVN	x					
186	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM Đường lối CM của ĐCSVN		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
187	Nguyễn Tuấn Vương	BM Đường lối CM của ĐCSVN		x				
188	Đặng Thị Thanh Trâm	BM Đường lối CM của ĐCSVN	x					
189	Lê Quốc Hiệp	BM Đường lối CM của ĐCSVN	x					
190	Nguyễn Thi Phương	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
191	Phí Mạnh Phong	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin		x				
192	Nguyễn Thị Bích Lệ	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
193	Trần Thị Lan Hương	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
194	Ngô Văn Hưởng	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
195	Bùi Thị Thùy Dương	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin		x				
196	Trần Thị Phúc An	BM Tư tưởng HCM	x					
197	Nguyễn Thị Kim Dung	BM Tư tưởng HCM		x				
198	Nguyễn Văn Sơn	BM Tư tưởng HCM			x			
199	Lê Thị Yến	BM Tư tưởng HCM		x				
200	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư tưởng HCM	x					
201	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật	x					
202	Đào Thị Tuyết	BM Pháp luật		x				
203	Nguyễn Lê Hà Giang	BM Pháp luật		x				
204	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật	x					
205	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật môi trường	x					
206	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật môi trường	x					
207	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật môi trường	x					
208	Đặng Thị Ngọc Thủy	BM Kỹ thuật môi trường		x				
209	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật môi trường		x				
210	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật môi trường		x				
211	Nguyễn Thị Hồng	BM Kỹ thuật môi trường		x				
212	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật môi trường		x				
213	Nguyễn Thị Thu Huyền	BM Kỹ thuật môi trường			x			
214	Nguyễn Phương Đông	BM Kỹ thuật môi trường			x			
215	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở	x					
216	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở	x					
217	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	x					
218	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở		x				
219	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở		x				
220	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở		x				
221	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở	x					
222	Hoàng Thị Chung	BM Môi trường cơ sở				x		
223	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở		x				
224	Hạ Quang Hưng	BM Môi trường cơ sở			x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
225	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
226	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái & CNMT			x			
227	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
228	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái & CNMT		x				
229	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
230	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái & CNMT		x				
231	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
232	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái & CNMT		x				
233	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái & CNMT		x				
234	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái & CNMT			x			
235	Trần Anh Quân	BM Địa sinh thái & CNMT			x			
236	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái & CNMT			x			
237	Tô Xuân Bản	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
238	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
239	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
240	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch và Địa hóa	x					
241	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
242	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
243	Lê Thị Ngọc Tú	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
244	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch và Địa hóa			x			
245	Nguyễn Trung Thành	BM Khoáng thạch và Địa hóa			x			
246	Nguyễn Hữu Trọng	BM Khoáng thạch và Địa hóa			x			
247	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình	x					
248	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình	x					
249	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình		x				
250	Nguyễn Viết Tình	BM Địa chất công trình		x				
251	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình		x				
252	Phạm Minh Tuấn	BM Địa chất công trình			x			
253	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình	x					
254	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình		x				
255	Phạm Thị Ngọc Hà	BM Địa chất công trình			x			
256	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình			x			
257	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình		x				
258	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình			x			
259	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình		x				
260	Nguyễn Đức Tuấn	BM Địa chất công trình					x	
261	Bùi Văn Bình	BM Địa chất công trình			x			
262	Nguyễn Thành Dương	BM Địa chất công trình			x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
263	Phạm Thị Việt Nga	BM Địa chất công trình			x			
264	Nguyễn Ngọc Dũng	BM Địa chất công trình			x			
265	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn	x					
266	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn	x					
267	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn		x				
268	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất thủy văn		x				
269	Dương Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn		x				
270	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất thủy văn		x				
271	Trần Vũ Long	BM Địa chất thủy văn		x				
272	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn		x				
273	Nguyễn Hữu Mạnh	BM Địa chất thủy văn			x			
274	Vũ Văn Hưng	BM Địa chất thủy văn			x			
275	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất thủy văn			x			
276	Trần Thanh Hải	BM Địa chất	x					
277	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất	x					
278	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất	x					
279	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất		x				
280	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất	x					
281	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất	x					
282	Phan Văn Bình	BM Địa chất		x				
283	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất		x				
284	Vũ Thị Hiền	Bảo tàng địa chất			x			
285	Nguyễn Trường Tài	BM Địa chất			x			
286	Nguyễn Minh Quyền	BM Địa chất			x			
287	Đào Văn Nghiêm	BM Địa chất			x			
288	Hoàng Đình Quế	BM Địa chất			x			
289	Vũ Anh Thư	BM Địa chất			x			
290	Bùi Vinh Hậu	BM Địa chất			x			
291	Nguyễn Tiến Dũng	Tìm kiếm thăm dò	x					
292	Lương Quang Khang	Tìm kiếm thăm dò	x					
293	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	x					
294	Phan Viết Sơn	Tìm kiếm thăm dò		x				
295	Khương Thế Hùng	Tìm kiếm thăm dò	x					
296	Trần Thị Vân Anh	Tìm kiếm thăm dò			x			
297	Đỗ Mạnh An	Tìm kiếm thăm dò		x				
298	Bùi Thanh Tịnh	Tìm kiếm thăm dò		x				
299	Nguyễn Văn Lâm	Tìm kiếm thăm dò		x				
300	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tìm kiếm thăm dò		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
301	Tạ Thị Toán	Tìm kiếm thăm dò		x				
302	Phạm Thị Thanh Hiền	Tìm kiếm thăm dò		x				
303	Trần Bình Chư	Tìm kiếm thăm dò			x			
304	Lê Thị Thu	Tìm kiếm thăm dò		x				
305	Hoàng Thị Thoa	Tìm kiếm thăm dò		x				
306	Trương Hữu Mạnh	Tìm kiếm thăm dò			x			
307	Nguyễn Duy Hưng	Tìm kiếm thăm dò			x			
308	Nguyễn Xuân Phú	Tìm kiếm thăm dò			x			
309	Phạm Như Sang	Tìm kiếm thăm dò			x			
310	Nguyễn Khắc Du	Tìm kiếm thăm dò			x			
311	Lê Xuân Trường	Tìm kiếm thăm dò			x			
312	Ngô Xuân Đắc	Tìm kiếm thăm dò			x			
313	Nguyễn Đình Luyện	Tìm kiếm thăm dò			x			
314	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán		x				
315	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán		x				
316	Tô Văn Đinh	BM Toán		x				
317	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán	x					
318	Đào Xuân Hưng	BM Toán		x				
319	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán	x					
320	Phạm Tuấn Cường	BM Toán	x					
321	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán	x					
322	Phạm Ngọc Anh	BM Toán		x				
323	Nguyễn Thị Kim Sơn	BM Toán		x				
324	Hoàng Ngự Huấn	BM Toán		x				
325	Lê Bích Phượng	BM Toán		x				
326	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán		x				
327	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán		x				
328	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán		x				
329	Lê Thị Hương Giang	BM Toán		x				
330	Nguyễn Thị Hiền	BM Toán		x				
331	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán		x				
332	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết			x			
333	Nguyễn Huy Thế	BM Cơ lý thuyết		x				
334	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết		x				
335	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết		x				
336	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết	x					
337	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết		x				
338	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
339	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất		x				
340	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất		x				
341	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất		x				
342	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất		x				
343	Lý Kế Cường	BM Giáo dục thể chất			x			
344	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất		x				
345	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất		x				
346	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất		x				
347	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất		x				
348	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất		x				
349	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất		x				
350	Đỗ Tiến Thiết	BM Giáo dục thể chất			x			
351	Vũ Thị Hương Giang	BM Giáo dục thể chất			x			
352	Công Tiến Dũng	BM Hóa	x					
353	Phạm Tiến Dũng	BM Hóa		x				
354	Lê Thị Duyên	BM Hóa	x					
355	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa			x			
356	Nguyễn Mạnh Hà	BM Hóa		x				
357	Nguyễn Thu Hà	BM Hóa		x				
358	Võ Thị Hạnh	BM Hóa	x					
359	Đỗ Thị Hải	BM Hóa		x				
360	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hóa		x				
361	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa		x				
362	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa	x					
363	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa		x				
364	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa	x					
365	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa		x				
366	Nguyễn Thị Kim Thoa	BM Hóa		x				
367	Vũ Kim Thư	BM Hóa	x					
368	Lê Thị Vinh	BM Hóa		x				
369	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ	x					
370	Nguyễn Mộng Lân	BM Ngoại ngữ		x				
371	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ		x				
372	Nguyễn Thị Thu Phúc	BM Ngoại ngữ		x				
373	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ	x					
374	Lê Thị Thúy Hà	BM Ngoại ngữ		x				
375	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ		x				
376	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
377	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ		x				
378	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ	x					
379	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ	x					
380	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ		x				
381	Nguyễn Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ		x				
382	Nguyễn Thị Mai Hương	BM Ngoại ngữ	x					
383	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ		x				
384	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ		x				
385	Trần Hồng Hải	BM Hình Họa		x				
386	Thạc Thu Hiền	BM Hình Họa		x				
387	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa	x					
388	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Họa		x				
389	Hoàng Văn Tài	BM Hình Họa		x				
390	Đỗ Việt Anh	BM Hình Họa		x				
391	Phạm Thị Mai Anh	BM Hình Họa		x				
392	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý		x				
393	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý	x					
394	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý	x					
395	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý	x					
396	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý	x					
397	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý		x				
398	Phạm Thị Trang	BM Vật lý		x				
399	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý	x					
400	Trần Thị Hà	BM Vật lý		x				
401	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý	x					
402	Đào Việt Thắng	BM Vật lý	x					
403	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý		x				
404	Nguyễn Xuân Chung	BM Vật lý			x			
405	Bùi Hữu Nguyên	BM Vật lý			x			
406	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý	x					
407	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ	x					
408	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ	x					
409	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ		x				
410	Dương Anh Quân	BM Bản đồ		x				
411	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ		x				
412	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ		x				
413	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ			x			
414	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
415	Trần Thị Hương Giang	BM Bản đồ			x			
416	Trần Thùy Dương	BM Địa chính	x					
417	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính		x				
418	Trần Đình Thành	BM Địa chính		x				
419	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính		x				
420	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính	x					
421	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính	x					
422	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính		x				
423	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính		x				
424	Đinh Hải Nam	BM Địa chính		x				
425	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính	x					
426	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính		x				
427	Nguyễn Thị Hiền	BM Địa chính			x			
428	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám	x					
429	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
430	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
431	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
432	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám	x					
433	Phạm Hà Thái	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
434	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
435	Trần Hồng Hạnh	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
436	Lê Thu Trang	BM Đo ảnh và Viễn thám	x					
437	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
438	Nguyễn Minh Hải	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
439	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
440	Nguyễn Bá Duy	BM Đo ảnh và Viễn thám			x			
441	Đoàn Thị Nam Phương	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
442	Trần Phương Ly	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
443	Trương Hoài Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám				x		
444	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp	x					
445	Vũ Văn Trí	BM Trắc địa cao cấp		x				
446	Lê Minh Tá	BM Trắc địa cao cấp		x				
447	Đặng Hồng Thúy	BM Trắc địa cao cấp				x		
448	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp	x					
449	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp	x					
450	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp		x				
451	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp		x				
452	Nguyễn Văn Lâm	BM Trắc địa cao cấp		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
453	Kim Thị Thu Hương	BM Trắc địa cao cấp		x				
454	Trần Thị Thu Trang	BM Trắc địa cao cấp			x			
455	Bùi Khắc Luyên	BM Trắc địa cao cấp			x			
456	Nguyễn Thái Chinh	BM Trắc địa cao cấp			x			
457	Vũ Đình Toàn	BM Trắc địa cao cấp			x			
458	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình	x					
459	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình	x					
460	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình	x					
461	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình	x					
462	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình		x				
463	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình		x				
464	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình	x					
465	Hoàng Thị Minh Hương	BM Trắc địa công trình		x				
466	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình	x					
467	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình		x				
468	Phạm Trung Dũng	BM Trắc địa công trình			x			
469	Nguyễn Thị Kim Thanh	BM Trắc địa công trình		x				
470	Trần Thùy Linh	BM Trắc địa công trình		x				
471	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
472	Nguyễn Quang Minh	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
473	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
474	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
475	Dương Thành Trung	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
476	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
477	Lã Phú Hiến	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
478	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
479	Phạm Thanh Thạo	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
480	Hoàng Anh Tuấn	BM Trắc địa phổ thông và SS			x			
481	Trần Anh Tuấn	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
482	Trương Minh Hùng	BM Trắc địa phổ thông và SS			x			
483	Đào Văn Khánh	BM Trắc địa phổ thông và SS			x			
484	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa mỏ	x					
485	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa mỏ	x					
486	Phạm Công Khải	BM Trắc địa mỏ		x				
487	Vương Trọng Kha	BM Trắc địa mỏ		x				
488	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa mỏ	x					
489	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa mỏ	x					
490	Cao Xuân Cường	BM Trắc địa mỏ		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
491	Phạm Thị Làn	BM Trắc địa mỏ	x					
492	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa mỏ	x					
493	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa mỏ		x				
494	Hoàng Lê Minh	Tổ máy trắc địa		x				
495	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa		x				
496	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy trắc địa			x			
497	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa		x				
498	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy trắc địa			x			
499	Vũ Trung Rụy	Tổ máy trắc địa			x			
500	Võ Trọng Hùng	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
501	Ngô Doãn Hào	BM Xây dựng CTN&Mỏ		x				
502	Đỗ Ngọc Anh	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
503	Đặng Trung Thành	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
504	Nguyễn Duyên Phong	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
505	Đặng Văn Kiên	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
506	Trần Tuấn Minh	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
507	Đào Viết Đoàn	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
508	Phạm Thị Yến	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
509	Nguyễn Văn Trí	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
510	Đỗ Mạnh Tấn	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
511	Đỗ Ngọc Thái	BM Xây dựng CTN&Mỏ				x		
512	Nguyễn Tài Tiến	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
513	Phan Tuấn Anh	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
514	Nguyễn Chí Thành	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
515	Nguyễn Trọng Dũng	BM Hạ tầng cơ sở		x				
516	Phạm Đức Thọ	BM Hạ tầng cơ sở		x				
517	Hoàng Đình Phúc	BM Hạ tầng cơ sở		x				
518	Tạ Đức Thịnh	BM Hạ tầng cơ sở		x				
519	Vũ Minh Ngạn	BM Hạ tầng cơ sở		x				
520	Bùi Anh Thắng	BM Hạ tầng cơ sở			x			
521	Ngọ Thị Hương Trang	BM Hạ tầng cơ sở			x			
522	Phạm Văn Hùng	BM Hạ tầng cơ sở			x			
523	Trần Mạnh Hùng	BM Hạ tầng cơ sở			x			
524	Đặng Quang Huy	BM Hạ tầng cơ sở			x			
525	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng	x					
526	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật xây dựng	x					
527	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật xây dựng	x					
528	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật xây dựng	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
529	Bùi Văn Đức	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
530	Phạm Ngọc Anh	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
531	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
532	Đinh Hải Nam	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
533	Lê Huy Việt	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
534	Ngô Xuân Hùng	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
535	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	x					
536	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
537	Cung Quang Khang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
538	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	x					
539	Nguyễn Trường Giang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	x					
540	Kim Thị Cẩm Ánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
541	Hà Thị Chúc	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
542	Tống Ngọc Anh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
543	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
544	Bùi Ngọc Hùng	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử			x			
545	Vũ Đỗ Dũng	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử			x			
546	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
547	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
548	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
549	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
550	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
551	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
552	Nguyễn Chí Dũng	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
553	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
554	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
555	Thái Hải Âu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
556	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
557	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
558	Phan Thị Mai Phương	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK			x			
559	Nguyễn Thanh Lịch	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK			x			
560	Phùng Văn Trang	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK			x			
561	Nguyễn Ánh Dương	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK			x			
562	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN		x				
563	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN	x					
564	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN	x					
565	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN	x					
566	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
567	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN	x					
568	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN	x					
569	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN		x				
570	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hóa XN	x					
571	Lê Văn Tuần	BM Điện khí hóa XN	x					
572	Nguyễn Xuân Nhỉ	BM Điện khí hóa XN		x				
573	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN		x				
574	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN		x				
575	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hóa XN			x			
576	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
577	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
578	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
579	Nguyễn Văn Tuệ	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
580	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
581	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
582	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
583	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
584	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
585	Đoàn Kim Bình	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
586	Nguyễn Văn Xô	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	x					
587	Vũ Nam Ngạn	BM Máy & Thiết bị công nghiệp		x				
588	Đoàn Văn Giáp	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	x					
589	Phạm Văn Tiến	BM Máy & Thiết bị công nghiệp		x				
590	Vũ Ngọc Trà	BM Máy & Thiết bị công nghiệp		x				
591	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy & Thiết bị công nghiệp		x				
592	Trần Viết Linh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	x					
593	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
594	Nguyễn Khắc Lĩnh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
595	Trần Bá Trung	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
596	Kiều Đức Thịnh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
597	Đoàn Công Luận	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
598	Đặng Vũ Đinh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
599	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện		x				
600	Đặng Viết Khuê	Xưởng Cơ - Điện			x			
601	Chu Mạnh Cường	Xưởng Cơ - Điện			x			
602	Lê Thị Hồng Diệp	Xưởng Cơ - Điện			x			
603	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
604	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán doanh nghiệp	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
605	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
606	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
607	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
608	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
609	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
610	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
611	Phạm Minh Hải	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
612	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
613	Phạm Thu Hương	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
614	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
615	Hoàng Thị Thuỷ	BM Kế toán doanh nghiệp			x			
616	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
617	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
618	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
619	Nguyễn Thục Anh	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
620	Phan Minh Quang	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
621	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	x					
622	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	x					
623	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở		x				
624	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở	x					
625	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở		x				
626	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	x					
627	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở		x				
628	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở		x				
629	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở	x					
630	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở	x					
631	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN Địa chất - Dầu khí			x			
632	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
633	Phan Thị Thái	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
634	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất - Dầu khí		x				
635	Lê Minh Thống	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
636	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
637	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN Địa chất - Dầu khí		x				
638	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
639	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
640	Trần Văn Hiệp	BM QTDN Địa chất - Dầu khí			x			
641	Nguyễn Ngọc Khánh	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
642	Nguyễn Thị Hoài Nga	Bộ môn QTDN Mỏ	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
643	Đào Anh Tuấn	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
644	Đặng Huy Thái	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
645	Đồng Thị Bích	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
646	Lê Thị Thu Hường	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
647	Phan Thị Thùy Linh	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
648	Nguyễn Đức Thắng	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
649	Nguyễn Thị Hường	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
650	Phạm Kiên Trung	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
651	Lê Đình Chiều	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
652	Lê Văn Chiến	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
653	Nguyễn Văn Thưởng	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
654	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PT, TN và CN cao			x			
655	Nguyễn Văn Quảng	Khoa GDQP	x					
656	Phạm Quốc Đảm	Khoa GDQP	x					
657	Trần Bắc Bộ	Khoa GDQP	x					
658	Vũ Quang Hay	Khoa GDQP	x					
659	Trần Văn Độ	Khoa GDQP		x				
660	Hoàng Xuân Trường	Khoa GDQP		x				
661	Nguyễn Văn Phong	Khoa GDQP	x					
662	Trần Thanh Hanh	Khoa GDQP						x
663	Vũ Thanh Hà	Khoa GDQP						x
664	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ	x					
665	Hoàng Văn Sinh	Phòng Bảo vệ		x				
666	Lưu Hữu Phước	Phòng Bảo vệ			x			
667	Lê Hoài Nam	Phòng Bảo vệ			x			
668	Nguyễn Quang Hải	Phòng Bảo vệ			x			
669	Lý Hồng Khanh	Phòng Bảo vệ			x			
670	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Bảo vệ			x			
671	Trần Văn Huyên	Phòng Bảo vệ			x			
672	Đặng Quang Tuyến	Phòng Bảo vệ			x			
673	Chu Thế Mạnh	Phòng Bảo vệ			x			
674	Lê Đức Minh	Phòng Bảo vệ			x			
675	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Bảo vệ			x			
676	Hàn Văn Tưởng	Phòng Bảo vệ			x			
677	Dương Thành Quảng	Phòng Bảo vệ			x			
678	Phạm Văn Khương	Phòng Bảo vệ			x			
679	Đỗ Thúy Mai	Phòng Y tế	x					
680	Nguyễn Thanh Huyền	Phòng Y tế		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
681	Bùi Thị Thanh Vân	Phòng Y tế		x				
682	Nguyễn Thị Thu Thụy	Phòng Y tế			x			
683	Mai Ngọc Liên	Phòng Y tế			x			
684	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	x					
685	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án		x				
686	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án			x			
687	Nguyễn Chí Hiếu	Ban quản lý các dự án				x		
688	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án			x			
689	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác sinh viên	x					
690	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác sinh viên	x					
691	Nguyễn Thị Tâm	Phòng Công tác sinh viên		x				
692	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác sinh viên			x			
693	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác sinh viên		x				
694	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên	x					
695	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác sinh viên		x				
696	Nguyễn Thị Hương	Phòng Công tác sinh viên		x				
697	Lê Thị Thúy Nga	Phòng Công tác sinh viên			x			
698	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác sinh viên		x				
699	Trần Thị Hải Vân	Phòng Công tác sinh viên			x			
700	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x			
701	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
702	Vũ Hội Khánh Hà	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x			
703	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
704	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
705	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
706	Lê Đức Cường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
707	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
708	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
709	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
710	Dương Mai Yến	Khảo thí & ĐBCLGD		x				
711	Dương Thị Hồng Đài	Khảo thí & ĐBCLGD			x			
712	Trần Văn Hiệp	Khảo thí & ĐBCLGD	x					
713	Ngô Thái Vinh	Khảo thí & ĐBCLGD			x			
714	Nguyễn Thị Ngọc Dung	P. Khoa học, CN và HTQT	x					
715	Hoàng Thu Hằng	P. Khoa học, CN và HTQT		x				
716	Nguyễn Thanh Hải	P. Khoa học, CN và HTQT		x				
717	Phạm Đức Nghiệp	P. Khoa học, CN và HTQT	x					
718	Nguyễn Thị Phương Thảo	P. Khoa học, CN và HTQT		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
719	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT Ngoại ngữ - Tin học		x				
720	Vũ Thị Hoài Thu	TT Ngoại ngữ - Tin học	x					
721	Hà Thùy Linh	TT Ngoại ngữ - Tin học			x			
722	Ngô Huyền Giang	TT Ngoại ngữ - Tin học		x				
723	Trần Thị Thu Hiền	TT Ngoại ngữ - Tin học						x
724	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học		x				
725	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học		x				
726	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học		x				
727	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học		x				
728	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học		x				
729	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học	x					
730	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học		x				
731	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	x					
732	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	x					
733	Hồ Văn Quân	Phòng Đào tạo Đại học		x				
734	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học		x				
735	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
736	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
737	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
738	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
739	Lê Tiến Dũng	Phòng Quản trị - Thiết bị				x		
740	Trần Thị Hương	Phòng Quản trị - Thiết bị	x					
741	Đỗ Thị Dung	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
742	Nguyễn Hồng Hải Yến	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
743	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
744	Phạm Đăng Tích	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
745	Tạ Văn Minh	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
746	Ninh Ngọc Cương	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
747	Nguyễn Văn Bình	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
748	Nguyễn Đình Cường	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
749	Nguyễn Thế	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
750	Trịnh Thị Hợp	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
751	Phạm Thị Sâm	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
752	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
753	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
754	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
755	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT SĐH	x					
756	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng ĐT SĐH		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
757	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT SĐH		x				
758	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT SĐH		x				
759	Phạm Quang Ba	TT Hỗ trợ sinh viên	x					
760	Lê Chí Phúc	TT Hỗ trợ sinh viên	x					
761	Nguyễn Thế Anh	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
762	Nguyễn Thị Nga	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
763	Nguyễn Văn Khẩn	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
764	Nguyễn Thị Chi	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
765	Nguyễn Văn Hùng	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
766	Nguyễn Thị Thu	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
767	Nguyễn Thị Sim	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
768	Đinh Hữu Khánh	TT Hỗ trợ sinh viên		x				
769	Trần Thị Dược	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
770	Phạm Thị Thanh Tâm	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
771	Vũ Thị Phương Thùy	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
772	Lê Thị Thanh Xuân	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
773	Phan Thanh Chương	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
774	Phạm Thị Quy	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
775	Nguyễn Thị Hồng	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
776	Quách Thị Thu Phương	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
777	Đỗ Khắc Điệp	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
778	Nguyễn Xuân Thuận	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
779	Đoàn Thị Luyên	TT Hỗ trợ sinh viên		x				
780	Vũ Thế Hùng	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
781	Hà Tú Hương	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
782	Đoàn Hồng Thắng	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
783	Phạm Tuyết Mai	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
784	Bùi Thị Kim Anh	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
785	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin - Thư viện		x				
786	Vũ Thị Ngọc	TT Thông tin - Thư viện			x			
787	Phạm Vĩnh Tuấn	TT Thông tin - Thư viện			x			
788	Đặng Ngọc Cương	TT Thông tin - Thư viện			x			
789	Nguyễn Duy Hiếu	TT Thông tin - Thư viện			x			
790	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin - Thư viện		x				
791	Nguyễn Thị Thu Thủy	TT Thông tin - Thư viện			x			
792	Hoàng Thị Thúy	TT Thông tin - Thư viện			x			
793	Đỗ Lệ Chi	TT Thông tin - Thư viện			x			
794	Hoàng Thị Nga	TT Thông tin - Thư viện			x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
795	Đỗ Thị Mường	TT Thông tin - Thư viện			x			
796	Nguyễn Hữu Độ	TT Thông tin - Thư viện			x			
797	Trần Văn Duy	TT Thông tin - Thư viện			x			
798	Nguyễn Quang Phú	TT Thông tin - Thư viện			x			
799	Ngô Thị Thanh Hương	TT Thông tin - Thư viện			x			
800	Hoàng Thị Hiền	TT Thông tin - Thư viện			x			
801	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TT Thông tin - Thư viện			x			
802	Hoàng Thị Thu Hằng	TT Thông tin - Thư viện			x			
803	Ngô Thị Hương Liên	TT Thông tin - Thư viện			x			
804	Đào Thị Hồng Diệp	TT Thông tin - Thư viện			x			
805	Phan Thị Phượng	TT Thông tin - Thư viện			x			
806	Nguyễn Kim Chung	Phòng CTCT - Truyền thông	x					
807	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng CTCT - Truyền thông		x				
808	Hà Thị Hiến	Phòng CTCT - Truyền thông		x				
809	Nguyễn Thị Biên	Phòng CTCT - Truyền thông		x				
810	Phạm Thị Thu Hường	Phòng CTCT - Truyền thông	x					
811	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	x					
812	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản		x				
813	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản				x		
814	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x					
815	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x					
816	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x				
817	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x				
818	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ			x			
819	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ	x					
820	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ	x					
821	Qúach Thị Nhịp	Phòng Tài vụ		x				
822	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Tài vụ		x				
823	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Tài vụ		x				
824	Cao Thu Hoài	Phòng Tài vụ	x					
825	Nguyễn Thị Phương Thảo A	Phòng Tài vụ		x				
826	Nguyễn Thi Thu Hiền	Phòng Tài vụ		x				
827	Nguyễn Thị Phương Thảo B	Phòng Tài vụ		x				
828	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Tài vụ		x				
829	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy &TBCN		x				
830	Nguyễn Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN		x				
831	Phạm Thị Thanh Hải	BM Kỹ thuật cơ khí		x				
832	Nguyễn Thị Liên	VPK Cơ - Điện		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
833	Đào Thị Hiền	VPK Cơ - Điện		x				
834	Nguyễn Thị Hương	VPK Xây dựng		x				
835	Phạm Thanh Huyền	VPK Xây dựng		x				
836	Nguyễn Thị Loan	VPK Công nghệ thông tin		x				
837	Nguyễn Đức Quân	VPK Công nghệ thông tin		x				
838	Nguyễn Thu Thủy	VPK Dầu khí		x				
839	Phan Thị Thùy Dương	VPK KH và KT Địa chất		x				
840	Hồ Thanh Bình	VPK KH và KT Địa chất		x				
841	Hoàng Hồng Hà	VPK Khoa học cơ bản				x		
842	Phạm Công Tú	Khoa GDQP	x					
843	Lê Thị Định	Khoa GDQP		x				
844	Hoàng Thị Nga	VPK Mỏ		x				
845	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VPK Mỏ		x				
846	Tạ Thị Thu Hường	VPK TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
847	Nguyễn Thị Hà	VPK TĐ-BĐ và QLĐĐ						x
848	Nguyễn Thu Hương	VPK Lý luận chính trị	x					
849	Nguyễn Thị Hậu	VPK Môi trường			x			
850	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường		x				
851	Phạm Châu Giang	VP Khoa Kinh Tế - QTKD		x				
852	Phan Thùy Linh	VP Khoa Kinh Tế - QTKD						x
853	Nguyễn Thị Thu Dung	VP Khoa Kinh Tế - QTKD			x			
854	Trần Thị Khánh Vân	BM Quản trị DN Mỏ			x			
855	Phạm Thị Thanh Phương	VP Công đoàn			x			
856	Phạm Thị Việt Nga	VP Công đoàn	x					
857	Phạm Tố Uyên	VP Đảng ủy	x					
858	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng ủy		x				
859	Vũ Thu Hường	VP Chương trình tiến tiến		x				
860	Đỗ Thanh Dũng	VP Chương trình tiến tiến			x			
861	Nguyễn Thị Thu Thảo	Văn phòng Đoàn		x				
862	Nguyễn Vân Anh	Văn phòng Đoàn		x				
863	Trương Phạm Phương Anh	Văn phòng Đoàn		x				
864	Đồng Hữu Tiến	Cơ sở Đào tạo Vũng Tàu			x			

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ TẬP THỂ
NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 972/QĐ-MĐC ngày 03 tháng 8 năm 2018)

	Đơn vị	Kết quả phân loại đánh giá					
		A+	A	B+	B	C	KĐG
1	Khoa Cơ - Điện	x					
2	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	x					
3	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
4	BM Điện khí hóa XN	x					
5	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
6	BM Máy & Thiết bị Công nghiệp	x					
7	Xưởng Cơ - Điện			x			
8	Khoa Công nghệ thông tin	x					
9	BM Tin học Kinh tế	x					
10	BM Tin học Địa chất			x			
11	BM Tin học Cơ bản	x					
12	BM Tin học Trắc địa	x					
13	BM Khoa học máy tính	x					
14	BM Mạng máy tính	x					
15	BM Công nghệ Phần mềm	x					
16	Phòng thí nghiệm Địa tin học		x				
17	Khoa Dầu khí		x				
18	BM Địa vật lý	x					
19	BM Địa chất dầu khí	x					
20	BM Khoan - Khai thác	x					
21	BM Lọc - Hóa dầu	x					
22	BM Thiết bị DK và CT		x				
23	Khoa GDQP	x					
24	BM Đường lối quân sự	x					
25	BM Kỹ thuật quân sự	x					
26	Khoa Khoa học cơ bản		x				
27	BM Toán	x					
28	BM Cơ lý thuyết	x					
29	BM Giáo dục thể chất	x					
30	BM Hóa	x					
31	BM Ngoại ngữ	x					
32	BM Hình Họa	x					
33	BM Vật lý	x					
34	Khoa Khoa học và KTĐC	x					
35	BM Khoáng thạch và Địa hóa	x					
36	BM Địa chất công trình		x				
37	BM Địa chất thủy văn	x					

	Đơn vị	Kết quả phân loại đánh giá					
		A+	A	B+	B	C	KĐG
38	BM Địa chất	x					
39	BM Tìm kiếm thăm dò	x					
40	Khoa Kinh tế - QTKD	x					
41	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
42	BM Kinh tế cơ sở	x					
43	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
44	BM QTDN Mỏ	x					
45	Khoa Lý luận chính trị	x					
46	BM Đường lối CM của ĐCSVN	x					
47	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
48	BM Tư tưởng HCM	x					
49	BM Pháp luật	x					
50	Khoa Mỏ		x				
51	BM Khai thác lộ thiên		x				
52	BM Khai thác hầm lò	x					
53	BM Tuyển khoáng	x					
54	BM Sức bền vật liệu		x				
55	Khoa Môi trường		x				
56	BM Kỹ thuật môi trường	x					
57	BM Môi trường cơ sở		x				
58	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
59	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x				
60	BM Bản đồ	x					
61	BM Địa chính	x					
62	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
63	BM Trắc địa cao cấp		x				
64	BM Trắc địa công trình	x					
65	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
66	BM Trắc địa mỏ	x					
67	Tổ máy trắc địa			x			
68	Khoa Xây dựng	x					
69	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
70	BM Hạ tầng cơ sở		x				
71	BM Kỹ thuật xây dựng	x					
72	Phòng Bảo vệ			x			
73	Phòng Y tế	x					
74	Ban quản lý các dự án			x			
75	Phòng Công tác sinh viên	x					
76	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
77	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	x					
78	Phòng Khoa học, CN và HTQT	x					
79	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x					

	Đơn vị	Kết quả phân loại đánh giá					
		A+	A	B+	B	C	KĐG
80	Phòng Đào tạo Đại học	x					
81	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
82	Phòng Đào tạo Sau đại học	x					
83	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên			x			
84	Trung tâm Thông tin - Thư viện			x			
85	Phòng CTCT - Truyền thông	x					
86	Phòng Xuất bản		x				
87	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x					
88	Phòng Tài vụ	x					
89	VP Chương trình tiến tiến	x					
90	Trung tâm Phân tích, TN và CN cao	x					

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2017 - 2018

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 13h30 ngày 19 tháng 7 năm 2018.

2. Địa điểm và thành phần: Phòng họp Phổ Yên (P.310).

Thành phần: Theo Quyết định số 852/QĐ-MĐC ngày 05/7/2018 bao gồm:

1. PGS.TS Lê Hải An, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng;
2. TS Hoàng Anh Dũng, Chủ tịch Công đoàn Trường - Phó Chủ tịch Hội đồng;
3. GS.TS Trần Thanh Hải, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng;
4. GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng;
5. PGS.TS Triệu Hùng Trường, Trưởng phòng TCCB - UV thường trực;
6. PGS.TS Nguyễn Anh Dũng, Trưởng phòng HCTH - UV, Thư ký;
7. PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh, Trưởng ban Thanh tra nhân dân - Ủy viên;
8. Th.S Đặng Quang Hưng, Bí thư Đoàn Thanh niên - Ủy viên;
9. Trưởng các đơn vị (Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm Thông tin - Thư viện, TT Ngoại ngữ - Tin học, TT Hỗ trợ sinh viên, TT Phân tích TN CN cao) - Ủy viên.

II. Nội dung:

- PGS.TS Lê Hải An, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

- PGS.TS Triệu Hùng Trường, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Ủy viên thường trực báo cáo Hội đồng bức tranh kết quả đánh giá, phân loại của các đơn vị trong trường.

- Hội đồng thảo luận và thống nhất:

+ Trưởng các đơn vị và các cá nhân tự khai phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin cung cấp để phục vụ phân loại đánh giá.

+ Ngoài phiếu tự đánh giá còn căn cứ các tiêu chí khác như: mức độ hoàn thành của đơn vị, sự chấp hành giờ lên lớp, kỷ luật lao động và các quy định khác của cá nhân để đưa ra mức phân loại đánh giá.

+ Đối với khối hành chính, nguyên tắc đánh giá phân loại là tôn trọng mức đánh giá phân loại ở các đơn vị, nhưng mỗi đơn vị chỉ được tối đa tối đa 30% A^+.

+ Đối với kỹ sư, do năm nay là năm đầu tiên viên chức ở chức danh nghề nghiệp kỹ sư làm việc theo 2 chế độ trong một năm nên Hội đồng đã trực tiếp đánh giá từng cá nhân. Trong đó, có tham khảo mức điểm các cá nhân tự khai: Nếu có điểm đánh giá 160 trở lên thì đạt mức A^+; 101 trở lên đạt mức A. Các mức còn lại phải đáp ứng được tiêu chí quy định.

+ Đối với giảng viên được phân loại đánh giá Mức A^+: Giảng viên phải có điểm đánh giá 180 trở lên; đối với giảng viên kiêm nhiệm Phó Trưởng bộ môn là 160 điểm

trở lên; đối với giảng viên kiêm nhiệm Trưởng bộ môn, Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc Trung tâm là 140 điểm trở lên; đối với giảng viên kiêm nhiệm Trưởng phòng, Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm là 120 điểm trở lên.

+ Mức A: Phải đạt trên 90 điểm.

- Hội đồng giao cho Phòng Tổ chức - Cán bộ chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra công tác tự đánh giá ở các đơn vị và xử lý theo quy định; báo cáo lãnh đạo Nhà trường những trường hợp vị phạm quy định.

Cuộc họp kết thúc lúc 14h00 cùng ngày.

THƯ KÝ	CHỦ TỌA
Th.S Vũ Duy Tấn	PGS.TS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP ĐÁNH GIÁ BAN GIÁM HIỆU NĂM HỌC 2017 - 2018

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 16h30 ngày 19 tháng 7 năm 2018.

2. Địa điểm: Phòng họp Phổ Yên (P.310).

3. Thành phần: Theo Quyết định số 839/QĐ-MĐC ngày 29/6/2018 bao gồm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường, Trưởng các phòng, khoa, ban, trung tâm, Chủ tịch Công đoàn Trường, Bí thư Đoàn thanh niên.

Chủ trì: - PGS.TS Lê Hải An, Bí thư đảng ủy, Hiệu trưởng chủ trì đánh giá 02 Phó Hiệu trưởng.

- GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng chủ trì đánh giá Hiệu trưởng.

- Thư ký: Th.S Vũ Duy Tấn, Phó Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

II. Nội dung:

1. Đánh giá PGS.TS Lê Hải An, Hiệu trưởng

Đồng chí Lê Hải An, trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Lê Hải An có phẩm chất chính trị vững vàng, gương mẫu, có đạo đức tốt, lối sống giản dị, gần gũi, quan tâm giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có nhiều đóng góp cho Nhà trường và có nhiều đột phá trong công tác đào tạo, xây dựng cơ sở vật chất; xây dựng hình ảnh và giữ vững được truyền thống của Nhà trường và có nhiều thành tích nổi bật.

- Đồng chí Lê Hải An là Bí thư, Hiệu trưởng là người quyết đoán, được mọi người nể phục; luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Ghi nhận sự hi sinh và đóng góp của Ban Giám hiệu.

2. Đánh giá GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng

Đồng chí Bùi Xuân Nam, trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Bùi Xuân Nam có tư tưởng rành mạch, rõ ràng trong cách quản lý;

- Là Phó Bí thư, Phó Hiệu trưởng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

- Có uy tín trong tập thể, có tinh thần xây dựng tập thể, giữ gìn đoàn kết nội bộ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

3. Đánh giá GS.TS Trần Thanh Hải, Phó Hiệu trưởng

Đồng chí Trần Thanh Hải, trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Trần Thanh Hải luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Tinh thần làm việc quyết liệt, quyết đoán, giải quyết công việc nhanh gọn;
- Ghi nhận đóng góp của đồng chí Trần Thanh Hải trong việc nâng cao vị thế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trên quốc tế; nâng cao chất lượng các tạp chí

4. Tổng hợp ý kiến đánh giá chung

- Ban Giám hiệu công tâm trong quyết sách, tăng hiệu quả làm việc.
- Đoàn kết, tích cực đóng góp xây dựng Nhà trường và vận động toàn thể viên chức cùng tham gia.
- Cần đẩy mạnh tái cơ cấu, tạo cơ chế mới để đưa Nhà trường phát triển hơn.
- Cần có chiến lược rõ ràng trong các hoạt động của Nhà trường.

6. Tổng hợp kết quả phân loại, đánh giá của cuộc họp như sau:

- PGS.TS Lê Hải An, Bí thư, Hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Bí thư, Phó Hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- GS.TS Trần Thanh Hải, Phó Hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

Biên bản đã được thông qua trước cuộc họp.

Cuộc họp kết thúc vào 17h30 phút ngày 19/7/2018./.

THƯ KÝ	CHỦ TỌA
Th.S Vũ Duy Tấn	PGS.TS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /MĐC-TCCB

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2020

Về việc báo cáo kết quả phân loại đánh giá năm 2019

Kính gửi: Vụ Tổ chức cán bộ
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Công văn số 5098/BGDĐT-TCCB ngày 31/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm;

Trường Đại học Mỏ - Địa chất kính gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả phân loại, đánh giá của Ban Giám Hiệu và Chủ tịch Hội đồng năm 2019 (kèm theo hồ sơ) như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Mức đánh giá phân loại
2	GS.TS Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
3	GS.TS Bùi Xuân Nam	Phó Hiệu trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
4	PGS.TS Triệu Hùng Trường	Phó Hiệu trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: HCTH, TCCB(8).

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2018 - 2019

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
I	**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**		**31.31%**
1	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm thăm dò	
2	Trần Thị Phúc An	BM TT HCM	
3	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	
4	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám	
5	Đỗ Ngọc Anh	BM XDCTN&Mỏ	
6	Lê Hồng Anh	BM Khoa học máy tính	
7	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở	
8	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất dầu khí	
9	Bùi Hoàng Bắc	BM Tìm kiếm thăm dò	
10	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình	
11	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái &CNMT	
12	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN	
13	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	
14	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa mỏ	
15	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò	
16	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch tài chính	
17	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò	
18	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa xí nghiệp	
19	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ	
20	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ	
21	Tạ Quang Chiểu	BM HTTT&TT	
22	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng	
23	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa mỏ	
24	Nguyễn Kim Chung	Phòng QHCC và DN	
25	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc Địa	
26	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính	
27	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ	
28	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở	
29	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở	
30	Cao Xuân Cường	BM Trắc địa mỏ	
31	Phạm Quốc Đảm	GDQP	
32	Nguyễn Thị Dàng	Phòng HCTH	
33	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất	
34	Đào Viết Đoàn	BM XDCTN&Mỏ	
35	Nguyễn Phương Đông	BM Kỹ thuật môi trường	
36	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ phần mềm	
37	Bùi Văn Đức	BM Kỹ thuật xây dựng	
38	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ phần mềm	
39	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ	
40	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng	
41	Nguyễn Tiến Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
42	Công Tiến Dũng	BM Hóa	
43	Lê Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò	
44	Nguyễn Trọng Dũng	BM Xây dựng HTCS	
45	Hoàng Anh Dũng	BM TBDK&CT	
46	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở	
47	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	
48	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng	
49	Trần Thùy Dương	BM Địa chính	
50	Lê Thị Duyên	BM Hóa	
51	Lê Quang Duyến	BM Khoan - Khai thác	
52	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình	
53	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN ĐC-DK	
54	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN	
55	Đỗ Thị Vân Hà	BM TT HCM	
56	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình	
57	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình	
58	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc đia mỏ	
59	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng	
60	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác CT-SV	
61	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT Sau đại học	
62	Trần Thanh Hải	BM Địa chất	
63	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý	
64	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN	
65	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái &CNMT	
66	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học, CN	
67	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa	
68	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học, CN	
69	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN	
70	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	
71	Vũ Quang Hay	GDQP	
72	Nguyễn Thị Hiền	BM Địa chính	
73	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ	
74	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất	
75	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ	
76	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	
77	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	
78	Đào Hiếu	BM Tự động hóa xí nghiệp	
79	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên	
80	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa PT&SS	
81	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch tài chính	
82	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên	
83	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính	
84	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN	
85	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình	
86	Khương Thế Hùng	BM Tìm kiếm thăm dò	
87	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý	
88	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò	
89	Võ Trọng Hùng	BM XDCTN&Mỏ	
90	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan - Khai thác	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
91	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất	
92	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN	
93	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò	
94	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò	
95	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm	
96	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN	
97	Trần Thị Lan Hương	BM NLCNMLN	
98	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý	
99	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái &CNMT	
100	Nguyễn Thu Hương	VPK Lý luận chính trị	
101	Đoàn Nguyễn Th.Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
102	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ	
103	Tạ Thị Thu Hường	VPK Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	
104	Phạm Thị Thu Hường	Phòng QHCC và DN	
105	Vũ Thu Hường	VP Chương trình tiến tiến	
106	Ngô Văn Hưởng	BM NLCNMLN	
107	Nguyễn Duy Huy	BM Khoa học máy tính	
108	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính	
109	Vương Trọng Kha	BM Trắc đia mỏ	
110	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò	
111	Phạm Công Khải	BM Trắc đia mỏ	
112	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò	
113	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ	
114	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình	
115	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình	
116	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
117	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa xí nghiệp	
118	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	
119	Đặng Văn Kiên	BM XDCTN&Mỏ	
120	Phạm Trung Kiên	BM Lọc - Hóa dầu	
121	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN	
122	Phạm Thị Làn	BM Trắc đia mỏ	
123	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tế	
124	Nguyễn Thị Liên	VPK Cơ - Điện	
125	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN	
126	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
127	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở	
128	Phạm Hữu Lợi	Phòng Thí nghiệm ĐTH	
129	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng	
130	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích CNC	
131	Đỗ Thúy Mai	Trạm Y tế	
132	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học	
133	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng	
134	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật xây dựng	
135	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính	
136	Trần Tuấn Minh	BM XDCTN&Mỏ	
137	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên	
138	Đặng Văn Nam	BM Khoa học máy tính	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
139	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật môi trường	
140	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ	
141	Hoàng Thị Nga	VPK Mỏ	
142	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể	
143	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể	
144	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN ĐC-DK	
145	Vũ Minh Ngạn	BM Xây dựng HTCS	
146	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa mỏ	
147	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	
148	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN	
149	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật xây dựng	
150	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở	
151	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng	
152	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình	
153	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu	
154	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN	
155	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật xây dựng	
156	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	
157	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp	
158	Nguyễn Duyên Phong	BM XDCTN&Mỏ	
159	Nguyễn Văn Phong	GDQP	
160	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa xí nghiệp	
161	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình	
162	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng	
163	Lê Chí Phúc	Phòng QHCC và DN	
164	Nguyễn Thi Phương	BM NLCNMLN	
165	Nguyễn Thị Hữu Phương	BM Công nghệ phần mềm	
166	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở	
167	Đoàn Thị Nam Phương	BM Đo ảnh và Viễn thám	
168	Trần Thị Lan Phương	Phòng HCTH	
169	Lê Bích Phượng	BM Toán	
170	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN	
171	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò	
172	Nguyễn Văn Quảng	GDQP	
173	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ	
174	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp	
175	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình	
176	Phan Viết Sơn	BM Tìm kiếm thăm dò	
177	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng	
178	Ngô Hà Sơn	BM Lọc - Hóa dầu	
179	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN	
180	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
181	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ	
182	Phan Thị Thái	BM QTDN ĐC-DK	
183	Đào Việt Thắng	BM Vật lý	
184	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ	
185	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu	
186	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
187	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
188	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất	
189	Đặng Trung Thành	BM XDCTN&Mỏ	
190	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN	
191	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn	
192	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý	
193	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ	
194	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN ĐC-DK	
195	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên	
196	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác hầm lò	
197	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ	
198	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc Địa	
199	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng HCTH	
200	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	
201	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật Cơ khí	
202	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò	
203	Nguyễn Văn Thịnh	BM TBDK&CT	
204	Phạm Đức Thọ	BM Xây dựng HTCS	
205	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác CT-SV	
206	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý	
207	Lê Minh Thống	BM QTDN ĐC-DK	
208	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán DN	
209	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
210	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật môi trường	
211	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính	
212	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ	
213	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN ĐC-DK	
214	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN	
215	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc - Hóa dầu	
216	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái &CNMT	
217	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí	
218	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện	
219	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT Ngoại ngữ - Tin học	
220	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học	
221	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch tài chính	
222	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng	
223	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở	
224	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN	
225	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám	
226	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám	
227	Triệu Hùng Trường	BM TBDK&CT	
228	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin - Thư viện	
229	Phạm Công Tú	VP Khoa GDQP	
230	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác	
231	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý	
232	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ	
233	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN ĐC-DK	
234	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên	
235	Phạm Văn Tuấn	BM Địa chất dầu khí	
236	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
237	Trần Anh Tuấn	BM Trắc địa PT&SS	
238	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN ĐC-DK	
239	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò	
240	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí	
241	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý	
242	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể	
243	Trần Thị Hải Vân	Phòng Thí nghiệm ĐTH	
244	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên	
245	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác	
246	Lê Đức Vinh	BM TBDK&CT	
247	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TBCN	
248	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc Địa	
249	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN	
250	Nguyễn Thị Hải Yến	BM TBDK&CT	
251	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD	
252	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin - Thư viện	
253	Phạm Thị Yến	BM XDCTN&Mỏ	
II	**Hoàn thành tốt nhiệm vụ**		**48.27%**
1	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên	
2	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ	
3	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng Thạch và ĐH	
4	Phạm Ngọc Anh	BM Toán	
5	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý	
6	Phạm Thị Mai Anh	BM Hình Họa	
7	Đỗ Việt Anh	BM Hình Họa	
8	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở	
9	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám	
10	Bùi Thị Vân Anh	BM HTTT&TT	
11	Tống Ngọc Anh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
12	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất thủy văn	
13	Nguyễn Thế Anh	Phòng QHCC và DN	
14	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ	
15	Kim Thị Cẩm Ánh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
16	Thái Hải Âu	BM Tự động hóa xí nghiệp	
17	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Khoa học máy tính	
18	Tô Xuân Bản	BM Khoáng Thạch và ĐH	
19	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn	
20	Trần Đình Bão	BM Khai thác lộ thiên	
21	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ	
22	Nguyễn Thị Biên	Phòng QHCC và DN	
23	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế	
24	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất	
25	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở	
26	Hồ Thanh Bình	VPK Khoa học và KTĐC	
27	Nguyễn Văn Bình	Phòng Cơ sở vật chất	
28	Phan Văn Bình	BM Địa chất	
29	Trần Bắc Bộ	GDQP	
30	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất	
31	Đỗ Lệ Chi	TT Thông tin - Thư viện	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
32	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý	
33	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản	
34	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật Cơ khí	
35	Hà Thị Chúc	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
36	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết	
37	Hoàng Thị Chung	BM Môi trường cơ sở	
38	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	
39	Đặng Ngọc Cương	TT Thông tin - Thư viện	
40	Phạm Tuấn Cường	BM Toán	
41	Nguyễn Hồng Cường	BM Khai thác hầm lò	
42	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái &CNMT	
43	Lê Đức Cường	Phòng HCTH	
44	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	
45	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD	
46	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết	
47	Lê Thị Định	VP Khoa GDQP	
48	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa	
49	Trần Văn Độ	GDQP	
50	Nguyễn Hữu Độ	TT Thông tin - Thư viện	
51	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất	
52	Nguyễn Khắc Du	BM Tìm kiếm thăm dò	
53	Nguyễn Thị Kim Dung	BM TT HCM	
54	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính	
55	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc Địa	
56	Nguyễn Thị Thu Dung	VPK Kinh tế - QTKD	
57	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học, CN	
58	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng Thạch và ĐH	
59	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý	
60	Phạm Tiến Dũng	BM Hóa	
61	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở	
62	Vũ Thái Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò	
63	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa mỏ	
64	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu	
65	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án	
66	Bùi Thị Thùy Dương	BM NLCNMLN	
67	Nguyễn Thùy Dương	BM Khoa học máy tính	
68	Vũ Hồng Dương	BM Địa vật lý	
69	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng HCTH	
70	Nguyễn Ánh Dương	BM Tự động hóa xí nghiệp	
71	Trần Văn Duy	TT Thông tin - Thư viện	
72	Lê Thị Hương Giang	BM Toán	
73	Vũ Thị Hương Giang	BM Giáo dục thể chất	
74	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa PT&SS	
75	Nguyễn Trường Giang	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
76	Phạm Thị Châu Giang	VPK Kinh tế - QTKD	
77	Ngô Huyền Giang	TT Ngoại ngữ - Tin học	
78	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch tài chính	
79	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng Thạch và ĐH	
80	Nguyễn Văn Giáp	BM TBDK&CT	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
81	Đoàn Văn Giáp	BM Máy và TBCN	
82	Trần Thị Hà	BM Vật lý	
83	Lê Thị Thúy Hà	BM Ngoại ngữ	
84	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM ĐLCMĐCSVN	
85	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu	
86	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh và Viễn thám	
87	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình	
88	Hoàng Ngọc Hà	BM Trắc địa PT&SS	
89	Vũ Thanh Hà	GDQP	
90	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái &CNMT	
91	Phạm Thị Ngọc Hà	BM Địa chất công trình	
92	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy trắc địa	
93	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	
94	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	
95	Đỗ Thị Hải	BM Hóa	
96	Trần Hồng Hải	BM Hình Họa	
97	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính	
98	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa xí nghiệp	
99	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình	
100	Phạm Thị Thanh Hải	BM Kỹ thuật cơ khí	
101	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán	
102	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán	
103	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế	
104	Nguyễn Thị Thu Hằng	BM Địa chất dầu khí	
105	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
106	Trần Thanh Hanh	GDQP	
107	Võ Thị Hạnh	BM Hóa	
108	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất	
109	Trần Hồng Hạnh	BM Đo ảnh và Viễn thám	
110	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC và DN	
111	Ngô Doãn Hào	BM XDCTN&Mỏ	
112	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý	
113	Bùi Vinh Hậu	BM Địa chất	
114	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý	
115	Phạm Đức Hậu	BM HTTT&TT	
116	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN	
117	Nguyễn Thị Hậu	VPK Môi trường	
118	Hà Thị Hiến	VPK Khoa học cơ bản	
119	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất thủy văn	
120	Phạm Thị Thanh Hiền	BM Tìm kiếm thăm dò	
121	Nguyễn Thị Hiền	BM Toán	
122	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hóa	
123	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở	
124	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN	
125	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất	
126	Vũ Thị Hiền	Bảng tàng địa chất	
127	Hoàng Thị Hiền	TT Thông tin - Thư viện	
128	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế	
129	Lê Quốc Hiệp	BM ĐLCMĐCSVN	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
130	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa	
131	Trần Văn Hiệp	Phòng ĐBCLGD	
132	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	
133	Nguyễn Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ	
134	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên	
135	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái &CNMT	
136	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở	
137	Trần Thị Như Hoa	BM HTTT&TT	
138	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh và Viễn thám	
139	Nguyễn Minh Hòa	BM Địa chất dầu khí	
140	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật môi trường	
141	Nguyễn Nam Hòa	BM Sức bền vật liệu	
142	Đỗ Ngọc Hoàn	BM Khai thác lộ thiên	
143	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy và TBCN	
144	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật Cơ khí	
145	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa	
146	Nguyễn Thị Hồng	BM Kỹ thuật môi trường	
147	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất	
148	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật Cơ khí	
149	Hoàng Ngự Huấn	BM Toán	
150	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế	
151	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa	
152	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa	
153	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất	
154	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu	
155	Phạm Văn Hùng	BM Xây dựng HTCS	
156	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý	
157	Bùi Ngọc Hùng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
158	Trương Minh Hùng	BM Trắc địa PT&SS	
159	Đào Xuân Hưng	BM Toán	
160	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất	
161	Nguyễn Phùng Hưng	BM TBDK&CT	
162	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán	
163	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất	
164	Nguyễn Thị Thu Hương	BM ĐLCMĐCSVN	
165	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Trắc địa PT&SS	
166	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc Địa	
167	Tống Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu	
168	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác CT-SV	
169	Trần Thị Mai Hương	VP Đại diện	
170	Nguyễn Thị Hương	VPK Xây dựng	
171	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	
172	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ	
173	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ	
174	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất	
175	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái &CNMT	
176	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế	
177	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất	
178	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch tài chính	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
179	Phạm Thanh Huyền	VPK Xây dựng	
180	Cung Quang Khang	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
181	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc Địa	
182	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm dịch vụ	
183	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác	
184	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT Sau đại học	
185	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật Cơ khí	
186	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn	
187	Nguyễn Văn Lâm	BM Tìm kiếm thăm dò	
188	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán	
189	Nguyễn Văn Lâm	BM Trắc địa cao cấp	
190	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ thuật xây dựng	
191	Nguyễn Mộng Lân	BM Ngoại ngữ	
192	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
193	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình	
194	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán	
195	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất	
196	Phan Thị Thùy Linh	BM QTDN Mỏ	
197	Trần Thùy Linh	BM Trắc địa công trình	
198	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu	
199	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác CT-SV	
200	Nguyễn Khắc Lĩnh	BM Máy và TBCN	
201	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa xí nghiệp	
202	Nguyễn Thị Loan	VPK Công nghệ thông tin	
203	Nguyễn Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa xí nghiệp	
204	Nguyễn Thế Lộc	BM Công nghệ phần mềm	
205	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ	
206	Trần Vũ Long	BM Địa chất thủy văn	
207	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu	
208	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc đia mỏ	
209	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc Địa	
210	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất	
211	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa xí nghiệp	
212	Đoàn Thị Luyên	Phòng QHCC và DN	
213	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ	
214	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VPK Mỏ	
215	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán	
216	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa	
217	Nguyễn Quang Minh	BM Trắc địa PT&SS	
218	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái &CNMT	
219	Hoàng Lê Minh	Tổ máy trắc địa	
220	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	
221	Đỗ Thị Mường	TT Thông tin - Thư viện	
222	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch tài chính	
223	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất	
224	Đinh Hải Nam	BM Địa chính	
225	Lê Văn Nam	BM Khoan - Khai thác	
226	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học	
227	Nguyễn Đức Năng	Phòng HCTH	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
228	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác CT-SV	
229	Hoàng Thị Nga	TT Thông tin - Thư viện	
230	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu khí	
231	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TBCN	
232	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh và Viễn thám	
233	Đặng Hữu Nghị	BM Công nghệ phần mềm	
234	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học, CN	
235	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán	
236	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin học Trắc Địa	
237	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật môi trường	
238	Vũ Thị Ngọc	TT Thông tin - Thư viện	
239	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học	
240	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế	
241	Bùi Thị Ánh Nguyệt	BM Tin học Địa chất	
242	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM Khai thác hầm lò	
243	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch tài chính	
244	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch và ĐH	
245	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật	
246	Nông Thị Oanh	BM Khoa học máy tính	
247	Phí Mạnh Phong	BM NLCNMLN	
248	Nguyễn Thị Thu Phúc	BM Ngoại ngữ	
249	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình	
250	Hoàng Đình Phúc	BM Xây dựng HTCS	
251	Lê Quang Phục	BM Khai thác hầm lò	
252	Vũ Lan Phương	BM HTTT&TT	
253	Vũ Cúc Phương	BM TBDK&CT	
254	Phan Thị Mai Phương	BM Tự động hóa xí nghiệp	
255	Phan Thị Phượng	TT Thông tin - Thư viện	
256	Dương Anh Quân	BM Bản đồ	
257	Trần Anh Quân	BM Địa sinh thái &CNMT	
258	Hồ Văn Quân	Phòng Đào tạo Đại học	
259	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN	
260	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp	
261	Nguyễn Minh Quyền	BM Địa chất	
262	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên	
263	Vương Thị Như Quỳnh	BM HTTT&TT	
264	Phạm Như Sang	BM Tìm kiếm thăm dò	
265	Hoàng Văn Sinh	Phòng HCTH	
266	Nguyễn Thị Kim Sơn	BM Toán	
267	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết	
268	Nguyễn Văn Sơn	BM TT HCM	
269	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò	
270	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án	
271	Phạm Trường Sơn	Phòng HCTH	
272	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
273	Hoàng Văn Tài	BM Hình Họa	
274	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ	
275	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp	
276	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
277	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy và TBCN	
278	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa xí nghiệp	
279	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác	
280	Đỗ Ngọc Thái	BM XDCTN&Mỏ	
281	Nguyễn Thị Thắm	Phòng HCTH	
282	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình	
283	Nguyễn Viết Thắng	BM Sức bền vật liệu	
284	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình	
285	Bùi Anh Thắng	BM Xây dựng HTCS	
286	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy và TBCN	
287	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò	
288	Nguyễn Thị Kim Thanh	BM Trắc địa công trình	
289	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế	
290	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ phần mềm	
291	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN	
292	Nguyễn Chí Thành	BM XDCTN&Mỏ	
293	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan - Khai thác	
294	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật môi trường	
295	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hóa XN	
296	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học	
297	Nguyễn Thị Thanh Thảo	BM Tìm kiếm thăm dò	
298	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa	
299	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở	
300	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái &CNMT	
301	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất	
302	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý	
303	Dương Chí Thiện	BM HTTT&TT	
304	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa	
305	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN	
306	Tạ Đức Thịnh	BM Xây dựng HTCS	
307	Kiều Đức Thịnh	BM Máy và TBCN	
308	Nguyễn Thị Kim Thoa	BM Hóa	
309	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính	
310	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất	
311	Lê Thị Thu	BM Tìm kiếm thăm dò	
312	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý	
313	Vũ Thị Hoài Thu	TT Ngoại ngữ - Tin học	
314	Vũ Kim Thư	BM Hóa	
315	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính	
316	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm dịch vụ	
317	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ	
318	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ	
319	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết	
320	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác CT-SV	
321	Hoàng Thị Thúy	TT Thông tin - Thư viện	
322	Diêm Thị Thùy	BM Tin Trắc địa	
323	Dương Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn	
324	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn	
325	Đặng Thị Ngọc Thủy	BM Kỹ thuật môi trường	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
326	Nguyễn Thu Thủy	VPK Dầu khí	
327	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN	
328	Nguyễn Thị Thu Thủy	TT Thông tin - Thư viện	
329	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa PT&SS	
330	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò	
331	Nguyễn Tài Tiến	BM XDCTN&Mỏ	
332	Phạm Văn Tiến	BM Máy và TBCN	
333	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN	
334	Đồng Hữu Tiến	VP Đại diện	
335	Nguyễn Viết Tình	BM Địa chất công trình	
336	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình	
337	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa xí nghiệp	
338	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	
339	Bùi Thanh Tịnh	BM Tìm kiếm thăm dò	
340	Tạ Thị Toán	BM Tìm kiếm thăm dò	
341	Vũ Văn Toàn	BM Lọc - Hóa dầu	
342	Vũ Ngọc Trà	BM Máy và TBCN	
343	Đặng Thị Thanh Trâm	BM ĐLCMĐCSVN	
344	Doãn Thị Trâm	BM Khoan - Khai thác	
345	Võ Thị Thu Trang	BM Tin học Kinh tế	
346	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ phần mềm	
347	Trần Thị Thu Trang	BM Trắc địa cao cấp	
348	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường	
349	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh và Viễn thám	
350	Nguyễn Văn Trí	BM XDCTN&Mỏ	
351	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán	
352	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp	
353	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ	
354	Dương Thành Trung	BM Trắc địa PT&SS	
355	Đặng Quốc Trung	BM HTTT&TT	
356	Hoàng Xuân Trường	GDQP	
357	Hà Ngọc Trường	Phòng HCTH	
358	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu	
359	Trương Văn Từ	BM Khoan - Khai thác	
360	Trần Ngọc Tuân	BM Lọc - Hóa dầu	
361	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất	
362	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình	
363	Nguyễn Thanh Tuấn	BM TBDK&CT	
364	Nguyễn Văn Tuệ	BM Kỹ thuật Cơ khí	
365	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất	
366	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Họa	
367	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa xí nghiệp	
368	Đào Thị Tuyết	BM Pháp luật	
369	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính	
370	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ	
371	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ	
372	Đào Thị Thu Vân	BM HTTT&TT	
373	Phạm Thị Hải Vân	BM Công nghệ phần mềm	
374	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
375	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác CT-SV	
376	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT Sau đại học	
377	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật môi trường	
378	Bùi Huy Văn	Phòng HCTH	
379	Lê Huy Việt	BM Kỹ thuật xây dựng	
380	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng Thạch và ĐH	
381	Lê Thị Vinh	BM Hóa	
382	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ	
383	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan - Khai thác	
384	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình	
385	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất	
386	Nguyễn Tuấn Vương	BM ĐLCMĐCSVN	
387	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật	
388	Lê Thị Yến	BM TT HCM	
389	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính	
390	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất	
III	**Hoàn thành nhiệm vụ**		**19.80%**
1	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản	
2	Phan Tuấn Anh	BM XDCTN&Mỏ	
3	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc Địa	
4	Tống Trần Anh	BM Khoan - Khai thác	
5	Trần Thị Vân Anh	BM Tìm kiếm thăm dò	
6	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm dịch vụ	
7	Trương Phạm Phương Anh	VP Đảng - Đoàn thể	
8	Phạm Ngọc Anh	BM Kỹ thuật xây dựng	
9	Phạm Quang Ba	Trung tâm dịch vụ	
10	Bùi Văn Bình	BM Địa chất công trình	
11	Trần Thiện Căn	BM TBDK&CT	
12	Nguyễn Thị Chi	Trung tâm dịch vụ	
13	Nguyễn Thái Chinh	BM Trắc địa cao cấp	
14	Nguyễn Xuân Chung	BM Vật lý	
15	Phan Thanh Chương	Trung tâm dịch vụ	
16	Phạm An Cương	BM Tin học Địa chất	
17	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất	
18	Lý Kế Cường	BM Giáo dục thể chất	
19	Chu Mạnh Cường	Xưởng Cơ - Điện	
20	Ngô Xuân Đắc	BM Tìm kiếm thăm dò	
21	Lê Thị Hồng Diệp	Xưởng Cơ - Điện	
22	Đào Thị Hồng Diệp	TT Thông tin - Thư viện	
23	Đặng Xuân Điệp	BM Mạng máy tính	
24	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm dịch vụ	
25	Đặng Vũ Đinh	BM Máy và TBCN	
26	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học	
27	Đỗ Thị Dung	Phòng Cơ sở vật chất	
28	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng ĐT Sau đại học	
29	Nguyễn Ngọc Dũng	BM Địa chất công trình	
30	Phạm Trung Dũng	BM Trắc địa công trình	
31	Vũ Đỗ Dũng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	
32	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
33	Trần Thị Dược	Trung tâm dịch vụ	
34	Nguyễn Thành Dương	BM Địa chất công trình	
35	Phan Thị Thùy Dương	VPK Khoa học và KTĐC	
36	Hoàng Hữu Đường	BM Tuyển khoáng	
37	Trần Trường Giang	BM Tin học Trắc Địa	
38	Nguyễn Mạnh Hà	BM Hóa	
39	Nguyễn Thu Hà	BM Hóa	
40	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái &CNMT	
41	Nguyễn Thị Hà	VPK Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	
42	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc - Hóa dầu	
43	Vũ Hội Khánh Hà	Phòng HCTH	
44	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch tài chính	
45	Phạm Thanh Hải	BM Tuyển khoáng	
46	Nguyễn Minh Hải	BM Đo ảnh và Viễn thám	
47	Ngô Thanh Hải	BM Lọc - Hóa dầu	
48	Lê Thị Hải	BM Khai thác lộ thiên	
49	Nguyễn Quang Hải	Phòng HCTH	
50	Hoàng Thị Thu Hằng	TT Thông tin - Thư viện	
51	Lê Thị Minh Hạnh	BM Khai thác lộ thiên	
52	Đào Thị Hiền	VPK Cơ - Điện	
53	Trần Văn Hiệp	BM QTDN ĐC-DK	
54	Nguyễn Duy Hiếu	TT Thông tin - Thư viện	
55	Nguyễn Chí Hiếu	Phòng QHCC và DN	
56	Trần Thị Hòa	BM Tin học Trắc Địa	
57	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc Địa	
58	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý	
59	Nguyễn Thị Minh Hồng	BM Địa chất dầu khí	
60	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm dịch vụ	
61	Đoàn Văn Huấn	BM Lọc - Hóa dầu	
62	Trần Mạnh Hùng	BM Xây dựng HTCS	
63	Ngô Xuân Hùng	BM Kỹ thuật xây dựng	
64	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm dịch vụ	
65	Vũ Thế Hùng	Trung tâm dịch vụ	
66	Vũ Văn Hưng	BM Địa chất thủy văn	
67	Nguyễn Duy Hưng	BM Tìm kiếm thăm dò	
68	Hạ Quang Hưng	BM Môi trường cơ sở	
69	Kim Thị Thu Hương	BM Trắc địa cao cấp	
70	Hà Tú Hương	Trung tâm dịch vụ	
71	Ngô Thị Thanh Hương	TT Thông tin - Thư viện	
72	Trần Văn Hữu	BM Địa vật lý	
73	Đặng Quang Huy	BM Xây dựng HTCS	
74	Trần Văn Huyên	Phòng HCTH	
75	Nguyễn Thị Thu Huyền	BM Kỹ thuật môi trường	
76	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm dịch vụ	
77	Lý Hồng Khanh	Phòng HCTH	
78	Đặng Viết Khuê	Xưởng Cơ - Điện	
79	Phạm Văn Khương	Phòng HCTH	
80	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
81	Trần Hữu Kiên	BM Khoan - Khai thác	
82	Nguyễn Thanh Lịch	BM Tự động hóa xí nghiệp	
83	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế	
84	Ngô Thị Hương Liên	TT Thông tin - Thư viện	
85	Nguyễn Khắc Long	BM Khoan - Khai thác	
86	Đoàn Công Luận	BM Máy và TBCN	
87	Bùi Khắc Luyên	BM Trắc địa cao cấp	
88	Nguyễn Đình Luyện	BM Tìm kiếm thăm dò	
89	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch tài chính	
90	Nguyễn Hữu Mạnh	BM Địa chất thủy văn	
91	Chu Thế Mạnh	Phòng HCTH	
92	Lê Đức Minh	Phòng HCTH	
93	Nguyễn Duy Mười	BM Địa chất dầu khí	
94	Đinh Hải Nam	BM Kỹ thuật xây dựng	
95	Lê Hoài Nam	Phòng HCTH	
96	Phạm Thị Việt Nga	BM Địa chất công trình	
97	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính	
98	Lê Thị Thúy Nga	Phòng Công tác CT-SV	
99	Nguyễn Thị Nga	Trung tâm dịch vụ	
100	Đào Văn Nghiêm	BM Địa chất	
101	Bùi Hữu Nguyên	BM Vật lý	
102	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án	
103	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TT Thông tin - Thư viện	
104	Nguyễn Thị Phấn	BM Tin Trắc địa	
105	Nguyễn Xuân Phú	BM Tìm kiếm thăm dò	
106	Nhữ Văn Phúc	BM Khai thác lộ thiên	
107	Lưu Hữu Phước	Phòng HCTH	
108	Phạm Thị Thanh Phương	VP Đảng - Đoàn thể	
109	Nguyễn Đức Quân	VPK Công nghệ thông tin	
110	Dương Thành Quảng	Phòng HCTH	
111	Hoàng Đình Quế	BM Địa chất	
112	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất	
113	Phạm Thị Quy	Trung tâm dịch vụ	
114	Nguyễn Thị Sim	Trung tâm dịch vụ	
115	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng Thạch và ĐH	
116	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính	
117	Hồ Văn Sơn	BM Lọc - Hóa dầu	
118	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng HCTH	
119	Nguyễn Trường Tài	BM Địa chất	
120	Nguyễn Thị Tâm	Phòng Công tác CT-SV	
121	Phạm T Thanh Tâm	Trung tâm dịch vụ	
122	Đỗ Mạnh Tấn	BM XDCTN&Mỏ	
123	Đào Thị Hồng Thắm	Phòng Thí nghiệm ĐTH	
124	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy trắc địa	
125	Trần Đình Thành	BM Địa chính	
126	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch tài chính	
127	Đỗ Tiến Thiết	BM Giáo dục thể chất	
128	Hoàng Thị Thoa	BM Tìm kiếm thăm dò	
129	Nguyễn Minh Thu	Phòng HCTH	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	2		4
130	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học	
131	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm dịch vụ	
132	Vũ Anh Thư	BM Địa chất	
133	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng	
134	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất	
135	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm dịch vụ	
136	Hoàng Thị Thủy	BM Kế toán DN	
137	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế	
138	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu	
139	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu	
140	Vũ Đình Toàn	BM Trắc địa cao cấp	
141	Tô Hữu Toàn	BM Khoan - Khai thác	
142	Nguyễn Đức Toàn	Phòng HCTH	
143	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết	
144	Phùng Văn Trang	BM Tự động hóa xí nghiệp	
145	Ngọ Thị Hương Trang	BM Xây dựng HTCS	
146	Nguyễn Hữu Trọng	BM Khoáng Thạch và ĐH	
147	Trần Bá Trung	BM Máy và TBCN	
148	Lê Xuân Trường	BM Tìm kiếm thăm dò	
149	Lê Thị Ngọc Tú	BM Khoáng Thạch và ĐH	
150	Phạm Minh Tuấn	BM Địa chất công trình	
151	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất thủy văn	
152	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa PT&SS	
153	Hoàng Anh Tuấn	BM Trắc địa PT&SS	
154	Hàn Văn Tưởng	Phòng HCTH	
155	Đào Thị Uyên	BM TBDK&CT	
156	Trần Thị Khánh Vân	BM QTDN Mỏ	
157	Trần Thị Hải Vân	Phòng Công tác CT-SV	
158	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học	
159	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD	
160	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm dịch vụ	
IV	**Hoàn thành nhiệm vụ nhưng năng lực còn hạn chế**		**0.62%**
1	Nguyễn Lê Hà Giang	BM Pháp luật	
2	Ngô Hùng Long	BM Tin học Địa chất	
3	Dương Thị Tâm	BM Tin học Địa chất	
4	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN	
5	Đặng Hồng Thúy	BM Trắc địa cao cấp	
V	**Không hoàn thành nhiệm vụ**		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP ĐÁNH GIÁ BAN GIÁM HIỆU NĂM HỌC 2018 - 2019

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 16h30 ngày 30 tháng 7 năm 2019.

2. Địa điểm: Phòng họp Phố Yên (P.310).

3. Thành phần: Theo Quyết định số 971/QĐ-MĐC ngày 26/7/2019 bao gồm Phó Bí thư phụ trách đảng bộ trường, Chủ tịch Hội đồng Trường, Trưởng các phòng, khoa, ban, trung tâm, công ty trực thuộc trường, Trưởng các văn phòng, Chủ tịch Công đoàn Trường, Bí thư Đoàn thanh niên.

Chủ trì: - GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng chủ trì đánh giá 02 Phó Hiệu trưởng.

- PGS.TS Trần Xuân Trường, Chủ tịch Hội đồng Trường chủ trì đánh giá Hiệu trưởng.

- Thư ký: Th. S Vũ Duy Tấn, Phó trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

II. Nội dung:

1. Đánh giá GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng

Đồng chí Trần Thanh Hải, trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Trần Thanh Hải có phẩm chất chính trị vững vàng, gương mẫu, có đạo đức tốt, lối sống giản dị, gần gũi, quan tâm giúp đỡ đồng nghiệp;

- Có nhiều đóng góp cho Nhà trường và có nhiều đột phá trong công tác đào tạo, xây dựng cơ sở vật chất; xây dựng hình ảnh và giữ vững được truyền thống của Nhà trường và có nhiều thành tích nổi bật.

- Ghi nhận đóng góp của đồng chỉ Trần Thanh Hải trong việc nâng cao vị thế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trên quốc tế; nâng cao chất lượng các tạp chí.

- Đồng chí Trần Thanh Hải mới được bổ nhiệm cương vị mới nhưng hi vọng sẽ tạo được sự đột phá trong công tác quản lý giúp Nhà trường ngày càng phát triển.

2. Đánh giá PGS.TS Trần Xuân Trường, Chủ tịch Hội đồng trường

Đồng chí Trần Xuân Trường trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Trần Xuân Trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

- Tinh thần làm việc quyết liệt, quyết đoán, giải quyết công việc nhanh gọn;

- Phát huy tối đa vai trò của Hội đồng trường trong việc đưa Nhà trường ngày một phát triển.

3. Đánh giá GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng

Đồng chí Bùi Xuân Nam, trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Bùi Xuân Nam có tư tưởng rành mạch, rõ ràng trong cách quản lý;
- Là Phó Bí thư, Phó Hiệu trưởng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Có uy tín trong tập thể, có tinh thần xây dựng tập thể, giữ gìn đoàn kết nội bộ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

4. Đánh giá PGS.TS Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng

Đồng chí Triệu Hùng Trường, trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Triệu Hùng Trường có phẩm chất chính trị vững vàng, gương mẫu, có đạo đức tốt, lối sống giản dị, gần gũi.
- Tuy mới được bổ nhiệm cương vị mới nhưng đồng chí Triệu Hùng Trường đã thể hiện sự đổi mới trong công tác quản lý và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Có uy tín trong tập thể, có tinh thần xây dựng tập thể, giữ gìn đoàn kết nội bộ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

4. Tổng hợp ý kiến đánh giá chung

- Ban Giám hiệu và Chủ tịch Hội đồng Trường công tâm trong quyết sách, tăng hiệu quả làm việc.
- Đoàn kết, tích cực đóng góp xây dựng Nhà trường và vận động toàn thể viên chức cùng tham gia.
- Cần đẩy mạnh tái cơ cấu, tạo cơ chế mới để đưa Nhà trường phát triển hơn.
- Cần có chiến lược rõ ràng trong các hoạt động của Nhà trường.

6. Tổng hợp kết quả phân loại, đánh giá của cuộc họp như sau:

- GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Bí thư, Phó Hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- PGS.TS Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- PGS.TS Trần Xuân Trường, Chủ tịch Hội đồng trường: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

Biên bản đã được thông qua trước cuộc họp.

Cuộc họp kết thúc vào 16h30 phút ngày 09/01/2019./.

THƯ KÝ	CHỦ TỌA
Th.S Vũ Duy Tấn	GS. TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP ĐÁNH GIÁ BAN GIÁM HIỆU NĂM 2019

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 14h00 ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Địa điểm: Phòng họp Phố Yên (P.310).

3. Thành phần: Theo Quyết định số 1974/QĐ-MĐC ngày 30/12/2019 bao gồm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường, Trưởng các phòng, khoa, ban, trạm, trung tâm, Chủ tịch Công đoàn Trường, Bí thư Đoàn thanh niên, văn phòng đại diện, văn phòng Chương trình tiên tiến

Chủ trì: - PGS.TS Trần Xuân Trường, Chủ tịch Hội đồng Trường chủ trì đánh giá Hiệu trưởng.

- GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng chủ trì đánh giá 02 Phó Hiệu trưởng.

- Thư ký: PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

II. Nội dung:

1. Đánh giá GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng

Đồng chí Trần Thanh Hải, trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Trần Thanh Hải có phẩm chất chính trị vững vàng, gương mẫu, có đạo đức tốt, lối sống giản dị, gần gũi, quan tâm giúp đỡ đồng nghiệp.

- Có nhiều đóng góp cho Nhà trường và có nhiều đột phá trong công tác đào tạo, xây dựng cơ sở vật chất; xây dựng hình ảnh và giữ vững được truyền thống của Nhà trường và có nhiều thành tích nổi bật.

- Ghi nhận đóng góp của đồng chỉ Trần Thanh Hải trong việc nâng cao vị thế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trên quốc tế; nâng cao chất lượng các tạp chí, hoàn thành việc giải phóng mặt bằng là một bước tiến mới trong giai đoạn phát triển Trường.

- Đã lãnh đạo Nhà trường đạt được nhiều thành tựu đặc biệt trong giai đoạn khó khăn.

2. Đánh giá GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng

Đồng chí Bùi Xuân Nam, trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Bùi Xuân Nam có tư tưởng rành mạch, rõ ràng trong cách quản lý.

- Là Phó Bí thư, Phó Hiệu trưởng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Có uy tín trong tập thể, có tinh thần xây dựng tập thể, giữ gìn đoàn kết nội bộ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

- Nhất trí với bản tự đánh giá của GS.TS Bùi Xuân Nam, đề xuất mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Đánh giá PGS.TS Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng

Đồng chí Triệu Hùng Trường, trình bày báo cáo và nêu ra các minh chứng cho kết quả tự đánh giá của mình.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá:

- Đồng chí Triệu Hùng Trường có phẩm chất chính trị vững vàng, gương mẫu, có đạo đức tốt, lối sống giản dị, gần gũi.

- Đồng chí Triệu Hùng Trường đã thể hiện sự đổi mới trong công tác quản lý và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Có uy tín trong tập thể, có tinh thần xây dựng tập thể, giữ gìn đoàn kết nội bộ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

- Ghi nhận sự đống góp của Lãnh đạo Nhà trường trong giai đoạn khó khăn

4. Tổng hợp ý kiến đánh giá chung

- Cần đẩy mạnh tái cơ cấu, tạo cơ chế mới để đưa Nhà trường phát triển hơn.

- Cần có chiến lược rõ ràng trong các hoạt động của Nhà trường.

5. Tổng hợp kết quả phân loại, đánh giá của cuộc họp như sau:

- GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Bí thư, Phó Hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- PGS.TS Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

Biên bản đã được thông qua trước cuộc họp.

Cuộc họp kết thúc vào 16h30 phút ngày 31/12/2019./.

THƯ KÝ	CHỦ TỌA
PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh	GS. TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 18 /MĐC-TCCB
Về việc báo cáo kết quả
đánh giá xếp loại viên chức năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Vụ Tổ chức cán bộ
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất kính gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức của Trường năm học 2019 - 2022 (kèm theo phụ lục 1) và đề xuất mức đánh giá, xếp loại đối với Ban Giám hiệu và Chủ tịch HĐ trường như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Mức đánh giá phân loại
1	GS.TS Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	PGS.TS Trần Xuân Trường	Chủ tịch HĐ trường	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
3	PGS.TS Triệu Hùng Trường	Phó Hiệu trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
4	GS.TS Bùi Xuân Nam	Phó Hiệu trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: HCTH, TCCB(8).

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC NĂM 2020

1. Báo cáo chung

Tổng số viên chức của đơn vị: 772 viên chức

Tổng số viên chức tham gia đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức cuối năm: 749 viên chức

2. Tổng số viên chức tham gia đánh giá, phân loại chất lượng viên chức

TT	Lãnh đạo, đơn vị	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức						Ghi chú
		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực	Không hoàn thành nhiệm vụ	KĐG	
	Ban Giám hiệu và Hội đồng trường	4						
1	Phòng ĐTĐH	3	7	1				
2	Trạm Y tế	1	2	2				
3	TTDV		4	14			1	
4	P. KHTC	3	6	1				
5	Phòng Xuất Bản		3					
6	TT NNTH		2	2				
7	Phòng ĐT SĐH	1	3					
8	Văn phòng Chương trình tiên tiến		1	1	1			
9	HCTH	5	10	10				
10	Ban QLCDA	4		1				
11	P. HTQT	1						
12	Phòng CSVC		13	2	1			
13	Phòng Tổ chức Cán bộ	2	3					
14	P. QHCC&DN	4	1	3			1	
15	TTTT-TV	3	11	3				
16	Phòng Đảm bảo CLGD	2	2					
17	TT Phân tích, TN công nghệ cao	1						

TT	Lãnh đạo , đơn vị	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức						Ghi chú
		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực	Không hoàn thành nhiệm vụ	KĐG	
18	Phòng CTCTSV	2	5					
19	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	1	2					
20	P.KHCN	2	2					
	Văn phòng Đại diện	1	1					
21	**Khoa Môi trường**							
	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	4	5	2				
	Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường			1				
	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	4	3	2				
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn	1		1				
22	**Khoa Kinh tế - QTKD**							
	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	6	2	1				
	Bộ môn QTKD Mỏ	8	5					
	Bộ môn Kinh tế cơ sở	6	4					
	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	13	3	1				
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn		2	1				
23	**Khoa KHCB**							
	Bộ môn Cơ lý thuyết	1	3	1				
	Bộ môn Giáo dục thể chất	4	5	2				
	Bộ môn Hình họa		2	4				
	Bộ môn Hóa	4	6	7				
	Bộ môn Ngoại ngữ	4	12	1				
	Bộ môn Toán	7	7	1				
	Bộ môn Vật lý	5	5	3			1	
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn			1				
24	**Khoa KH&KTĐC**							
	Bộ môn Địa chất	3	2	7	1			
	Bộ môn Địa chất công trình	6	2	5				
	Bộ môn Địa chất Thủy văn	2	2	6				
	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	1	4	4				
	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	5	3	10			1	
	Bảo tàng địa chất			1				

TT	Lãnh đạo , đơn vị	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức						Ghi chú
		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực	Không hoàn thành nhiệm vụ	KĐG	
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn	2	4		1			
25	**Khoa Giáo dục QP**	7	2	2				
26	**Khoa Xây dựng**							
	Bộ môn Xây dựng CTN&M	8	2	3			1	
	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	5	2				2	
	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	5		4			1	
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn		2	2				
27	**Khoa Trắc địa-BĐ&QLĐĐ**							
	Bộ môn Bản đồ	2	3	1	1		1	
	Bộ môn Địa chính	1	6	4				
	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	3	6	1			3	
	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	2	1	7				
	Bộ môn Trắc địa Công trình	2	7	3				
	Bộ môn Trắc địa Mỏ	7	3					
	Bộ môn Trắc địa Phổ thông		5	3	1			
	Tổ máy trắc địa	2	2					
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn	4	1	1	2			
28	**Khoa Mỏ**							
	Bộ môn Tuyển khoáng	7	1	2			1	
	Bộ môn Sức bền vật liệu	1	4	1				
	Bộ môn Khai thác hầm lò	8	3	5				
	Bộ môn Khai thác lộ thiên	5	4	4				
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn	3	1	2	1			
29	**Khoa LLCT**							
	Bộ môn Kinh tế chính trị và LSĐCS VN	6						
	Bộ môn Triết học và Pháp luật	3	3	1				
	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	4						
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn	1						
30	**Khoa Dầu khí**							
	Bộ môn Địa chất dầu	1	3	2				
	Bộ môn Địa vật lý	4		3			1	

TT	Lãnh đạo , đơn vị	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức						Ghi chú
		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực	Không hoàn thành nhiệm vụ	KĐG	
18	Phòng CTCTSV	2	5					
19	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	1	2					
20	P.KHCN	2	2					
	Văn phòng Đại diện	1	1					
21	**Khoa Môi trường**							
	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	4	5	2				
	Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường			1				
	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	4	3	2				
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn	1		1				
22	**Khoa Kinh tế - QTKD**							
	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	6	2	1				
	Bộ môn QTKD Mỏ	8	5					
	Bộ môn Kinh tế cơ sở	6	4					
	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	13	3	1				
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn		2	1				
23	**Khoa KHCB**							
	Bộ môn Cơ lý thuyết	1	3	1				
	Bộ môn Giáo dục thể chất	4	5	2				
	Bộ môn Hình họa		2	4				
	Bộ môn Hóa	4	6	7				
	Bộ môn Ngoại ngữ	4	12	1				
	Bộ môn Toán	7	7	1				
	Bộ môn Vật lý	5	5	3			1	
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn			1				
24	**Khoa KH&KTĐC**							
	Bộ môn Địa chất	3	2	7	1			
	Bộ môn Địa chất công trình	6	2	5				
	Bộ môn Địa chất Thủy văn	2	2	6				
	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	1	4	4				
	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	5	3	10			1	
	Bảo tàng địa chất			1				

TT	Lãnh đạo , đơn vị	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức						Ghi chú
		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực	Không hoàn thành nhiệm vụ	KĐG	
	Bộ môn Khoan - Khai thác	6	4	3			2	
	Bộ môn Lọc hóa dầu	8		1			3	
	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình	5		3			1	
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn	1	3	3				
31	**Khoa Cơ - Điện**							
	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	3	4	3				
	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	3	6	2				
	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	3	1					
	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp		2	5				
	Bộ môn Điện khí hóa	5	2	1				
	Xưởng Cơ		1	3				
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn	4	2					
32	**Khoa CNTT**							
	Bộ môn Công nghệ phần mềm	5	2				1	
	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	3	4	1				
	Bộ môn Mạng máy tính	4	2					
	Bộ môn Tin học Địa chất		4	2				
	Bộ môn Tin học Kinh tế	1	4	2				
	Bộ môn Tin học Trắc địa	4	2	5			2	
	Bộ môn Khoa học máy tính	4	2					
	Phòng Thí nghiệm Địa Tin học	2	1					
	Văn phòng khoa + kỹ sư bộ môn	1	4	4				
Tổng cộng		279	269	191	9	0	23	
Tỷ lệ		36.19%	34.89%	24.77%	1.17%	0.00%	2.98%	

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS. TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 143 /MĐC-TCCB

Về việc ban hành quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2020 - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Vụ Tổ chức Cán bộ
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Công văn số 971/BGDĐT-TCCB ngày 18/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức;

Trường Đại học Mỏ - Địa chất kính gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo các văn bản liên quan đến kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, đơn vị cấu thành, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định kết quả đánh giá, xếp loại của Chủ tịch Hội đồng trường và Hiệu trưởng năm học 2020 - 2021.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: HCTH, TCCB(8).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2021

BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CHỦ TỊCH HĐT VÀ BGH NĂM HỌC 2020-2021

(tại phiên họp ngày 26/10/2021)

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 9h00 ngày 26 tháng 10 năm 2021.

2. Địa điểm và thành phần:

Địa điểm: Phòng họp Phổ Yên

Thành phần: Thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Số lượng có mặt: 18.

Số lượng vắng mặt: 03 (gồm các đồng chí Nguyễn Tiến Cường, Nguyễn Văn Nguyên, Phạm Việt Khoa đều có lý do).

II. Nội dung:

1. PGS.TS Trần Xuân Trường, Chủ tịch HĐ trường thông qua nội dung cuộc họp:

- Đánh giá, xếp loại Chủ tịch và Ban Giám hiệu.
- Xin ủy quyền cho thường trực: đánh giá, xếp loại viên chức quản lý và tập thể.
- Xem xét đơn đề nghị của Phòng Kế hoạch Tài chính và bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử.

2. Đánh giá, xếp loại chất lượng Chủ tịch Hội đồng Trường.

a) PGS.TS Trần Xuân Trường trình bày bản báo cáo tự đánh giá, xếp loại chất lượng

b) Các ý kiến nhận xét:

+ Đ/C Phạm Xuân Cảnh: hạn chế nêu ra do nhiều nguyên nhân khách quan, HĐT cần tăng cường cải tiến hoạt động Hội đồng trường (phân cấp cho thường trực Hội đồng trường, Hiệu trưởng), Hội đồng trường chỉ quyết những vấn đề lớn (chiến lược, nhân sự Ban Giám hiệu.....). Chủ tịch HĐT xứng đáng được đánh giá mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Đ/C Đỗ Hồng Nguyên: Đánh giá nhận xét năm cũ nên kèm theo kế hoạch năm mới.

+ Đ/C Đinh Minh Tùng: Hội đồng trường có trách nhiệm quyết định các vấn đề lớn nên trình HĐT cần chặt chẽ, báo cáo các công văn đã thực hiện trước thường HĐT.

+ TS Bùi Thị Thu Thủy: Mô hình hoạt động mới thì cũng khó tránh khỏi gặp nhiều khó khăn.

+ GS.TS Bùi Xuân Nam: Nên thành lập các Ban để lập kế hoạch cho chặt chẽ.

+ GS.TS Trần Thanh Hải: Đ/c Chủ tịch HĐT có tính phê bình và tự phê bình cao, có nhiều ưu điểm. Cần cải tiến hoạt động của HĐT, xử lý nhanh các công việc của HĐT tránh kéo dài, nâng cao công tác lập kế hoạch hoạt động của HĐT.

3. Đánh giá, xếp loại chất lượng Ban Giám hiệu

a) GS.TS Trần Thanh Hải: trình bày bản báo cáo tự đánh giá, xếp loại chất lượng

b) GS.TS Bùi Xuân Nam: trình bày bản báo cáo tự đánh giá, xếp loại chất lượng

c) PGS.TS Triệu Hùng Trường: trình bày bản báo cáo tự đánh giá, xếp loại chất lượng

d) Các ý kiến góp ý:

- Đ/C Đinh Minh Tùng: Mức tự đánh giá, xếp loại chất lượng của Ban Giám hiệu là hợp lý.

- GS.TS Trần Thanh Hải: việc phối hợp giữa Chủ tịch HĐT, Ban Giám hiệu chưa nhịp nhàng nên chia sẻ các công việc với nhau để phối hợp cho tốt. Nên tiếp cận nhiều nguồn vốn (ODA) của các tổ chức quốc tế để có nguồn kinh phí đầu tư vào các dự án của Nhà trường.

- TS Bùi Thị Thu Thủy: BGH tự nhận xếp loại mức Hoàn thành nhiệm vụ là khiêm tốn, lãnh đạo Nhà trường cần tăng sự đoàn kết, nhất trí trong công tác quản lý, hỗ trợ cho nhau các hạn chế để Nhà trường phát triển hơn.

- PGS.TS Trần Xuân Trường: Trong công tác quản lý vẫn đảm bảo duy trì tốt hoạt động của Nhà trường, cần có sự phối hợp nhịp nhàng, trao đổi khách quan, minh bạch.

+ Nhận xét GS.TS Trần Thanh Hải: Đ/C tận tụy, giải quyết sát sao công việc. Cần đảm bảo nghị quyết, chủ trương của Hội đồng trường, Đảng ủy trường, chỉ đạo nhanh ban hành các quy chế nội bộ, cần có tính kế hoạch cao cho các quý, tháng, chỉ đạo triển khai lộ trình thực hiện chiến lược quy hoạch tổng thể, quy hoạch tài sản...

+ Nhận xét GS. TS Bùi Xuân Nam: Quyết liệt sát sao, sáng tạo trong công việc. Cần tăng giao quyền cho Trưởng đơn vị, đẩy nhanh mở ngành, ban hành các quy định có liên quan, phối hợp nhịp nhàng với BGH.

+ Nhận xét PGS.TS Triệu Hùng Trường: Năng động, sáng tạo trong công tác quản lý. Đẩy nhanh ban hành các văn bản quy định nội bộ. Phối hợp nhịp nhàng với BGH, gắn kết các tổ chức trong trường để thực hiện chiến lược phát triển.

4. Lấy phiếu ý kiến về xếp loại chất lượng Chủ tịch HĐT và Ban Giám hiệu

Tổ kiểm phiếu:	1. PGS.TS Đỗ Ngọc Anh	- Tổ trưởng;
	2. TS Lê Hồng Anh	- Tổ viên;
	3. PGS.TS Khổng Cao Phong	- Tổ viên.

5. Xin ý kiến ủy quyền cho HĐT đánh giá, xếp loại viên chức quản lý và tập thể, ủy quyền giải quyết các ý kiến phản hồi của tập thể).

Biểu quyết: 18/18: 100% đồng ý

6. Báo cáo kết quả kiểm phiếu xếp loại chất lượng Chủ tịch HĐT và BGH

TT	Họ và tên	Chức vụ	Kết quả xếp loại chất lượng (Ý kiến đồng ý/Tổng số phiếu/Tổng triệu tập TVHĐT)			
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ
1	Trần Xuân Trường	Chủ tịch HĐT	11/18/21	6/18/21	1/18/21	0/18/21
2	Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng	8/18/21	4/18/21	5/18/21	1/18/21
3	Bùi Xuân Nam	Phó Hiệu trưởng	8/18/21	9/18/21	1/18/21	0/18/21
4	Triệu Hùng Trường	Phó Hiệu trưởng	9/18/21	6/18/21	3/18/21	0/18/21

Kết luận:

- PGS.TS Trần Xuân Trường, Chủ tịch Hội đồng trường: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- PGS.TS Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

7. Chủ tịch HĐT kết luận thông qua biên bản cuộc họp.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h45 phút cùng ngày.

THƯ KÝ

Nguyễn Ngọc Khánh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Trần Xuân Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 212 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý và tập thể năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất,

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐT ngày 02/11/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý và tập thể năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý và tập thể năm học 2020 - 2021 gồm các cá nhân và tập thể có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐT, ĐUT (để báo cáo);
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC QUẢN LÝ NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: 212 /QĐ-MĐC ngày 29 tháng 3 năm 2022)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Đề xuất mức xếp loại			
			A+	A	B	C
1	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện	x			
2	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện	x			
3	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	x			
4	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện	x			
5	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện	x			
6	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	x			
7	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	x			
8	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	x			
9	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện		x		
10	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện	x			
11	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện	x			
12	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện	x			
13	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện		x		
14	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện	x			
15	Nguyễn Đăng Tấn	Khoa Cơ - Điện	x			
16	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện	x			
17	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện	x			
18	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x			
19	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin	x			
20	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin	x			
21	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x			
22	Lê Văn Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	x			
23	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin	x			
24	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin	x			
25	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	x			
26	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin	x			
27	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin	x			
28	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ thông tin		x		
29	Diêm Công Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin	x			
30	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin	x			
31	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin	x			
32	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	x			
33	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin		x		
34	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí	x			
35	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí		x		
36	Hoàng Anh Dũng	Khoa Dầu khí	x			
37	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí	x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Đề xuất mức xếp loại			
			A+	A	B	C
38	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí	x			
39	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí	x			
40	Nguyễn Thế Vinh	Khoa Dầu khí	x			
41	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí	x			
42	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí	x			
43	Lê Quang Duyến	Khoa Dầu khí		x		
44	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí	x			
45	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí	x			
46	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí	x			
47	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí	x			
48	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí	x			
49	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x			
50	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng	x			
51	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục quốc phòng	x			
52	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản	x			
53	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản	x			
54	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x			
55	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản		x		
56	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản		x		
57	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản			x	
58	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x		
59	Nguyễn Quang Huy	Khoa Khoa học cơ bản	x			
60	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	x			
61	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x			
62	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản			x	
63	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản		x		
64	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản		x		
65	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x		
66	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản	x			
67	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản		x		
68	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x		
69	Nguyễn Trường Thanh	Khoa Khoa học cơ bản	x			
70	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x			
71	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản	x			
72	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KTĐC		x		
73	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
74	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
75	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
76	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
77	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
78	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
79	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KTĐC	x			
80	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC		x		
81	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC			x	
82	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KTĐC		x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Đề xuất mức xếp loại			
			A+	A	B	C
83	Phạm Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC			x	
84	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
85	Lê Minh Thống	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
86	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
87	Nguyễn Ngọc Khánh	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
88	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
89	Đào Anh Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
90	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
91	Trần Anh Dũng	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
92	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
93	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
94	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
95	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
96	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa Kinh tế - QTKD	x			
97	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	x			
98	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	x			
99	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị	x			
100	Nguyễn Thi Phương	Khoa Lý luận chính trị	x			
101	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ	x			
102	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	x			
103	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ	x			
104	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ	x			
105	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ	x			
106	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ	x			
107	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ	x			
108	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ	x			
109	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ	x			
110	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ	x			
111	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ	x			
112	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường		x		
113	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường	x			
114	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường	x			
115	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường	x			
116	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường	x			
117	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường		x		
118	Bùi Ngọc Quý	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
119	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
120	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
121	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
122	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
123	Nguyễn Việt Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
124	Lê Đức Tình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
125	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
126	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
127	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Đề xuất mức xếp loại			
			A+	A	B	C
128	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
129	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
130	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
131	Phạm Thế Huynh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
132	Dương Thành Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x		
133	Lưu Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x		
134	Hoàng Thị Thủy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
135	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x			
136	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng	x			
137	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng	x			
138	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng	x			
139	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	x			
140	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	x			
141	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng	x			
142	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng	x			
143	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng	x			
144	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý các dự án	x			
145	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		x		
146	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x			
147	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính	x			
148	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính		x		
149	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC&DN	x			
150	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức Cán bộ	x			
151	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức Cán bộ	x			
152	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - TV	x			
153	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - TV	x			
154	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế	x			
155	Trần Thị Thu Trang	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-MĐC ngày tháng năm 2022)

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
A	**Khối Khoa**				
1	**Khoa Cơ - Điện**	x			
2	Bộ môn Điện khí hóa XN	x			
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí		x		
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	x			
5	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	x			
6	Bộ môn Tự động hóa XN M&DK	x			
7	Xưởng Cơ - Điện	x			
8	**Khoa Công nghệ thông tin**	x			
9	Bộ môn Tin học Kinh tế	x			
10	Bộ môn Khoa học máy tính	x			
11	Bộ môn Mạng máy tính	x			
12	Bộ môn Tin học Địa chất			x	
13	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức	x			
14	Bộ môn Tin học Trắc địa	x			
15	Bộ môn Công nghệ phần mềm	x			
16	Phòng TN Địa - Tin học	x			
17	**Khoa Dầu khí**			x	
18	Bộ môn Địa chất dầu			x	
19	Bộ môn Địa vật lý		x		
20	Bộ môn Khoan - Khai thác	x			
21	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	x			
22	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	x			
23	**Khoa Giáo dục quốc phòng**	x			
24	Bộ môn Đường lối quân sự	x			
25	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	x			
26	**Khoa Khoa học cơ bản**			x	
27	Bộ môn Cơ lý thuyết			x	
28	Bộ môn Giáo dục thể chất	x			
29	Bộ môn Hình họa			x	
30	Bộ môn Hóa			x	
31	Bộ môn Ngoại ngữ	x			
32	Bộ môn Toán	x			
33	Bộ môn Vật lý	x			
34	**Khoa Khoa học và KTĐC**	x			
35	Bộ môn Địa chất	x			
36	Bộ môn Địa chất công trình	x			
37	Bộ môn Địa chất Thủy văn		x		
38	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa			x	

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
39	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	x			
40	**Khoa Kinh tế - QTKD**	x			
41	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	x			
42	Bộ môn QTKD Mỏ	x			
43	Bộ môn Kinh tế cơ sở	x			
44	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	x			
45	**Khoa Lý luận chính trị**	x			
46	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN	x			
47	Bộ môn Triết học và Pháp luật	x			
48	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH	x			
49	**Khoa Mỏ**			x	
50	Bộ môn Khai thác hầm lò			x	
51	Bộ môn Khai thác lộ thiên	x			
52	Bộ môn Sức bền vật liệu			x	
53	Bộ môn Tuyển khoáng	x			
54	**Khoa Môi trường**			x	
55	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT			x	
56	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	x			
57	Bộ môn Môi trường cơ sở			x	
58	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**	x			
59	Bộ môn Bản đồ		x		
60	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	x			
61	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	x			
62	Bộ môn Trắc địa Công trình	x			
63	Bộ môn Trắc địa Mỏ	x			
64	Bộ môn Địa chính		x		
65	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	x			
66	Tổ máy Trắc địa	x			
67	**Khoa Xây dựng**	x			
68	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	x			
69	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	x			
70	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	x			
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**				
1	Phòng Công tác chính trị - SV		x		
2	Phòng Cơ sở vật chất		x		
3	Phòng Đào tạo Đại học	x			
4	Phòng Đạo tạo sau đại học	x			
5	Phòng ĐBCLGD		x		
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x			
7	Phòng Hợp tác quốc tế	x			
8	Phòng KHCN	x			
9	Phòng Kế hoạch Tài chính		x		
10	Phòng Quan hệ CC và DN	x			
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x			
12	Phòng Xuất bản		x		
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x		
14	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x			

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
15	Trạm y tế	x			
16	Trung tâm dịch vụ		x		
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x			
18	Trung tâm PTTN CN cao	x			
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x			
20	Ban quản lý các dự án	x			
21	Văn phòng Đại diện	x			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 729 /MĐC-TCCB
Về việc ban hành quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Vụ Tổ chức Cán bộ
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Công văn số 971/BGDĐT-TCCB ngày 18/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức;

Trường Đại học Mỏ - Địa chất kính gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo các văn bản liên quan đến kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, đơn vị cấu thành, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định kết quả đánh giá, xếp loại của Chủ tịch Hội đồng trường và Hiệu trưởng năm học 2021 - 2022.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: HCTH, TCCB(8).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

CHƯƠNG TRÌNH HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁ NHÂN VÀ TẬP THỂ NĂM HỌC 2021 - 2022

(Ngày 01 tháng 11 năm 2022)

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN

a) Thời gian: 14h00 ngày 01/11/2022

b) Địa điểm: Phòng họp Phổ Yên

c) Thành phần: theo Quyết định 1283/QĐ-MĐC ngày 28/10/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất

II. NỘI DUNG

A. Hội đồng cho ý kiến đánh giá, xếp loại về Chủ tịch HĐT và Ban giám hiệu

- GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng, chủ trì cho ý kiến đánh giá, xếp loại Chủ tịch HĐT; Phó Hiệu trưởng.

- PGS.TS Trần Xuân Trường, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT, chủ trì cho ý kiến đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng.

Trình tự:

1. Cá nhân trình bày bản tự đánh giá.
2. Chủ trì cuộc họp lấy ý kiến, thảo luận.
3. Chủ trì cuộc họp kết luận và ghi thành biên bản.
4. Bầu tổ kiểm phiếu, phát phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu
5. Lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của đảng ủy (bằng văn bản) .

- Tổ kiểm phiếu (nếu có), dự kiến gồm:

1. Ông Nguyễn Việt Hà, Trưởng phòng QHCC và DN	Tổ trưởng;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Bí thư Đoàn thanh niên trường	Thành viên;
3. Ông Nguyễn Viết Nghĩa, P. Trưởng phòng phụ trách phòng XB	Thành viên;
4. Bà Trần Thị Phúc An, Trưởng khoa LLCT	Thành viên;
5. Ông Lê Đức Vinh, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ	Thành viên;
6. Ông Diêm Công Hoàng, Giám đốc Trung tâm NNTH HUMG	Thành viên;
7. Ông Lê Văn Hưng, Giám đốc Trung tâm TT - TV	Thành viên;
8. Ông Đặng Trung Thành, Trưởng khoa Xây dựng	Thành viên;
9. Ông Phạm Quốc Đảm, Trưởng khoa GDQP	Thành viên.

B. Hội đồng cho ý kiến đánh giá về cán bộ, viên chức và người lao động (không bao gồm Ban giám hiệu và Chủ tịch Hội đồng trường)

- GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

- Trưởng phòng TCCB báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại các đơn vị đề xuất lên Nhà trường và rà soát xếp loại chất lượng viên chức theo quy định nội bộ.

* Hội đồng thống nhất các nội dung sau:

Phần 1: Về hệ thống đánh giá

1) Phương án mức điểm phân loại giảng viên.

Mức	Nhóm 1			Nhóm 3 (giảng viên)		
	Điểm	Xếp loại	Số lượng	Điểm	Xếp loại	Số lượng
Mức điểm A+ lớn hơn hoặc bằng	105	A+	162	105	A+	112
Mức điểm A lớn hơn hoặc bằng	100	A	51	100	A	21
Mức điểm C nhỏ hơn	80	C	9	80	C	0
		B	81		B	8

2) Đề xuất nguyên tắc làm tròn điểm

3) Mức xếp loại chất lượng của cá nhân có điểm khuyến khích chỉ được tăng tối đa 01 mức so với xếp loại chất lượng cá nhân đó đạt được khi chưa xét điểm khuyến khích

Nhóm	Số lượng	Chưa có điểm khuyến khích	Có điểm khuyến khích	Đề xuất xếp loại
Nhóm 1 (từ B lên A+)	0			
Nhóm 1 (từ C lên A)	0			
Nhóm 3 (từ B lên A+)	2	B	A+	A
Nhóm 3 (từ C lên A)	0			

4) 'Viên chức giảng dạy được A+ nhưng điều chỉnh tối đa chỉ xếp loại A nếu có thành phần nằm trong nhóm C "không hoàn thành nhiệm vụ

Nhóm	Giảng dạy	NCKH	Đề xuất xếp loại
Nhóm 1	2	0	A
Nhóm 3	3	0	A

5) Về 03 viên chức hợp đồng thuê khoán chuyên môn (tạo nguồn khi chưa có đề án vị trí việc làm) và 01 viên chức chuyển ngạch giảng viên

Họ và tên	Đơn vị đề nghị
Nguyễn Thị Kim Liên (KT-QTKD)	A
Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc (KHCB)	A
Đỗ Bảo Anh Phương (KHCB)	A
Trần Thị Thu Hiền (chuyển 01/2022) (KHCB)	A

II. Phần 2: Ý kiến của một số đơn vị, cá nhân

1) Về chậm tiến độ học tập:

Họ và tên	Điểm KPIs_CVK	Tổng điểm	Mức xếp loại	Ghi chú
Nguyễn Thanh Thảo (KT-QTKD)	9,75	107,64	A+	Do Covid không đi tìm hiểu thực tế; khối lượng giảng dạy lớn
Nguyễn Thanh Thủy (KT-QTKD)	9,25	113,25	A+	Do Covid nên việc thu thập số liệu khó khăn
Dương Thị Nhàn (KT-QTKD)	9,75	110,15	A+	Do Covid không đi tìm hiểu thực tế; khối lượng giảng dạy lớn
Nguyễn Thị Huyền Trang ((KT-QTKD)	9,75	111,15	A+	Do Covid không đi tìm hiểu thực tế; khối lượng giảng dạy lớn
Nguyễn Thị Minh Thu ((KT-QTKD)	9,75	115,75	A+	Do Covid không đi tìm hiểu thực tế; khối lượng giảng dạy lớn
Lê Thị Thu Hồng (KT-QTKD)	9,25	108,45	A+	Do Covid nên việc thu thập số liệu khó khăn
Đặng Thị Ngọc Thủy (Môi trường)	9,75	94,93	B	Do Covid ảnh hưởng đến công tác học tập và nghiên cứu

2) Về chậm tiến độ đề tài

Họ và tên	Điểm KPIs_CVK	Tổng điểm	Mức xếp loại	Ghi chú
Nguyễn Văn Xô (Cơ - Điện)	8,25	100,15	A	Đề tài cấp Nhà nước do ảnh hưởng Covid phải kéo dài; Bộ công thương đồng ý gia hạn đến 12/2023
Vũ Diệp Anh (KT-QTKD)	8,25	116,05	A+	Nhiều công việc phải hoàn thành; đề nghị không để ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của Khoa
Lê Minh Thống (KT-QTKD)	8,25	124,25	A+	Nhiều công việc phải hoàn thành; đề nghị không để ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của Khoa

3) Chậm nộp báo cáo kết quả học tập

Họ và tên	Điểm KPIs_KK	Tổng điểm	Mức xếp loại	Ghi chú
Phan Văn Bình (Địa chất)	10,5	103,80	A	Không nhận được thông báo về việc nộp báo cáo học tập định kỳ
Đỗ Mạnh An (Địa chất)	10,5	104,75	A	Không nhận được thông báo về việc nộp báo cáo học tập định kỳ

4) Bổ sung giờ khối lượng giảng dạy

Đơn vị	Ý kiến
Bộ môn Sức bền vật liệu	Đề nghị tính khối lượng giờ giảng dạy cho những lớp dạy lần 2 để xét xếp loại và thi đua (không tính thừa giờ)
Bộ môn Cơ lý thuyết	"
Bộ môn Hóa	"

5) Xem xét điều chỉnh mức xếp loại

- TS Vương Trọng Kha (Trắc địa): hiện đang xếp loại C (nguyên nhân hơn 200 giờ NCKH công bố sau thời điểm 31/7; có xác nhận chấp nhận đăng trước thời điểm 31/7); đề nghị Hội đồng xem xét do sang năm 2023 nhận quyết định nghỉ chế độ.

- PGS.TS Nguyễn Khắc Giảng (Địa chất): đề nghị không đánh giá, xếp loại vì đã có quyết định nghỉ chế độ (4/2022); không ảnh hưởng đến mức xếp loại tập thể, đơn vị.

- TS Nguyễn Thị Thanh Thủy (Địa chất): đề nghị không đánh giá, xếp loại vì đã có quyết định nghỉ chế độ (4/2022); không ảnh hưởng đến mức xếp loại tập thể, đơn vị.

6. Tính khối lượng miễn giảm trong thời gian học CCLLCT (hệ tập trung)

Nội dung	Xin ý kiến
Cán bộ đi học CCLLCT (hệ tập trung) đề nghị được tính miễn giảm định mức giờ chuẩn	Nhà trường do không cắt phụ cấp ưu đãi (25%) vì vậy không xét miễn giảm

7. Bỏ phiếu lấy ý kiến về KPI_QL của nhóm 3B (Khoa, Đoàn thanh niên) và đánh giá, xếp loại Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm

+ Mức xếp loại KPI_QL của cá nhân nhóm 3B (Khoa, Đoàn thanh niên) và đánh giá, xếp loại Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm phải được trên 70% thành viên Hội đồng có mặt bầu chọn.

+ Trường hợp mức xếp loại KPI_QL cá nhân nhóm 3B (Khoa, Đoàn thanh niên) và xếp loại Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm không đạt trên 70% số phiếu thành viên Hội đồng có mặt bầu chọn thì kết quả xếp loại theo mức Ban giám hiệu đánh giá.

+ Mức xếp loại KPI_QL của cá nhân nhóm 3B, 3C, 3D (Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm) căn cứ mức xếp loại đơn vị được Hội đồng thông qua.

- Tổ kiểm phiếu (nếu có), dự kiến gồm:

1. Ông Nguyễn Việt Hà, Trưởng phòng QHCC và DN — Tổ trưởng;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Bí thư Đoàn thanh niên trường — Thành viên;
3. Ông Nguyễn Viết Nghĩa, P. Trưởng phòng phụ trách phòng XB — Thành viên;
4. Bà Trần Thị Phúc An, Trưởng khoa LLCT — Thành viên;
5. Ông Lê Đức Vinh, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ — Thành viên;
6. Ông Diêm Công Hoàng, Giám đốc Trung tâm NNTH HUMG — Thành viên;
7. Ông Lê Văn Hưng, Giám đốc Trung tâm TT - TV — Thành viên;
8. Ông Đặng Trung Thành, Trưởng khoa Xây dựng — Thành viên;
9. Ông Phạm Quốc Đảm, Trưởng khoa GDQP — Thành viên.

8) Đánh giá, xếp loại khối nhân viên hành chính (nhóm 2), xem xét từng trường hợp cụ thể:

- Nhóm 2 vi phạm các công việc khác trong năm học theo hướng dẫn tại BM-07b sẽ được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng xem xét quyết định mức trừ điểm vào tổng điểm đạt được trong năm học (nếu có).

- Vi phạm chấm công từ 10 đến 24 lần: tối đa xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ (A) trừ các trường hợp có lý do bất khả kháng;

- Vi phạm chấm công từ 25 lần trở lên: tối đa xếp loại hoàn thành nhiệm vụ (B) trừ các trường hợp có lý do bất khả kháng.

TT	Họ và tên	Mã CBVC	Đơn vị	Số lượt vi phạm	Đơn vị đề nghị xếp loại
1	Đào Thị Hiền	6631-01	Khoa Cơ điện	30	A+
2	Nguyễn Thị Liên	6631-02	Khoa Cơ - Điện	1	A+
3	Vũ Cúc Phương	0605-12	Khoa Dầu khí	3	A+
4	Trần Ngọc Tuân	0603-17	Khoa Dầu khí	1	A+
5	Nguyễn Văn Vinh	0604-11	Khoa Dầu khí	5	A
6	Hà Thị Hiến	6622-01	Khoa Khoa học cơ bản	2	A+
7	Vũ Thị Hiền	0410-01	Khoa Khoa học và KTĐC	1	A+
8	Hà Thành Như	0403-10	Khoa Khoa học và KTĐC	1	A
9	Hồ Thanh Bình	6625-01	Khoa Khoa học và KTĐC	11	A+
10	Trần Thị Khánh Vân	0702-16	Khoa Kinh té - QTKD	10	A
11	Nguyễn Nam Hòa	0305-09	Khoa Mỏ	60	A
12	Nguyễn Thị Thu Huyền	1103-08	Khoa Môi trường	2	A+
13	Nguyễn Danh Đức	0507-13	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	8	A+
14	Nguyễn Thị Hiền	0101-23	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	2	A+
15	Đoàn Thị Nam Phương	0503-20	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	4	A+
16	Trần Thiện Căn	6602-17	Phòng Cơ sở vật chất	24	B
17	Hoàng Thị Phương Dung	6605-02	Phòng Đạo tạo sau đại học	1	A
18	Nguyễn Văn Đức	6604-01	Phòng Đào tạo Đại học	2	A+
19	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	6612-01	Phòng Xuất bản	2	A
20	Trịnh Trọng An	6612-03	Phòng Xuất bản	115	A
21	Trịnh Thế Lực	6616-01	Trung tâm PTTN CN cao	2	A+
22	Đỗ Thị Thanh Thủy	6615-03	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	5	A+

23	Phạm Quang Ba	6619-01	Văn phòng Chương trình tiên tiến	60	A
24	Đoàn Thị Luyên	6610-04	Phòng Quan hệ CC và DN	2	A+
25	Nguyễn Hồng Hạnh	6610-03	Phòng Quan hệ CC và DN	11	A+
26	Nguyễn Thế Anh	6610-06	Phòng Quan hệ CC và DN	3	A+
27	Đặng Lê Văn	6610-07	Phòng Quan hệ CC và DN	23	A+

+ Đối với Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm: căn cứ xếp loại của đơn vị để xác định tỷ lệ % xếp loại các mức.

+ Đối với Khoa: căn cứ KPI_QL của Trưởng Khoa để xác định tỷ lệ % xếp loại các mức.

Mức xếp loại tập thể, đơn vị	**Tỷ lệ xếp loại cá nhân nhóm 2**	**Đề xuất**	**Ghi chú**
A+	Tối đa 70% A+	60%	Bình quân A+ khối giảng viên 61,5%
A	Tối đa 50% A+	40%	
B	Tối đa 30% A+	20%	

9) Đánh giá xếp loại tập thể (Bộ môn và tương đương trở lên).

10) Xin ý kiến Hội đồng ủy quyền cho Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quyết định các ý kiến đề nghị của cá nhân, tập thể (nếu có) theo thẩm quyền của Hội đồng xếp loại cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NĂM HỌC 2021 - 2022

(đối với KPIs_QL của người đứng đầu Khoa và Bí thư, Phó bí thư Đoàn thanh niên; Xếp loại Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm)

(Ngày 01/11/2022)

TT	Cá nhân/Đơn vị	BGH đánh giá		Kết quả xếp loại			
		Điểm	Mức xếp loại	A+	A	B	C
A	**KPIs_QL của người đứng đầu Khoa và Bí thư, Phó bí thư Đoàn thanh niên**						
1	Khổng Cao Phong	96,68	B				
2	Lê Hồng Anh	107,50	A+				
3	Nguyễn Thế Vinh	101,23	A				
4	Nguyễn Tiến Dũng	99,18	B				
5	Công Tiến Dũng	106,13	A+				
6	Bùi Thị Thu Thủy	111,65	A+				
7	Đỗ Văn Bình	104,38	A				
8	Phạm Văn Hòa	87,63	B				
9	Trần Thị Phúc An	113,30	A+				
10	Lê Đức Tình	102,80	A				
11	Đặng Trung Thành	115,75	A+				
12	Phạm Quốc Đảm	111,95	A+				
13	Nguyễn Thanh Tuấn	105.10	A+				
14	Trần Thị Thu Trang	105.1	A+				
B	**Xếp loại Phòng, Ban, Văn phòng, Trung tâm, Trạm**						
1	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	100.9	A				
2	Phòng Cơ sở vật chất	102.43	A				
3	Phòng Đào tạo Đại học	105.26	A+				
4	Phòng Đào tạo Sau đại học	110.5	A+				
5	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục	100.66	A				
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	106.21	A+				
7	Phòng Hợp tác Quốc tế	105.75	A+				
8	Phòng Khoa học Công nghệ	108.59	A+				
9	Phòng Kế hoạch Tài chính	103.41	A				
10	Phòng QHCC & DN	105.18	A+				
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	107.32	A+				
12	Phòng Xuất bản	96.13	B				
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến	101.07	A				
14	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	105.10	A+				
15	Văn phòng Đại diện	107.32	A+				
16	Trạm Y tế	108.37	A+				
17	Trung tâm Dịch vụ	103.56	A				
18	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	107.8	A+				
19	Trung tâm PTTN công nghệ cao	107.73	A+				
20	Trung tâm Thông tin - Thư viện	108.1	A+				
21	Ban Quản lý các dự án	106.6	A+				

Ghi chú: Đánh dấu X vào ô tương ứng lựa chọn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NĂM HỌC 2021 - 2022

(đối với Ban Giám hiệu)

(Ngày 01/11/2022)

TT	Cá nhân/Đơn vị	Tự đánh giá	Kết quả xếp loại			
			A^+	A	B	C
1	GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng					
2	GS. TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng					
3	PGS. TS Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng					

Ghi chú: Đánh dấu X vào ô tương ứng lựa chọn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2022

BIÊN BẢN HỌP CHO Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI BAN GIÁM HIỆU NĂM 2021 - 2022

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 14h00 ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Địa điểm và thành phần:

Địa điểm: Phòng họp Phổ Yên.

Thành phần: Theo Quyết định số 1283/QĐ-MĐC ngày 28/10/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2021 - 2022.

Số lượng có mặt: 35

Số lượng vắng mặt: 01

II. Nội dung:

1. GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng, chủ trì cho ý kiến đánh giá Chủ tịch HĐT và Phó Hiệu trưởng.

2. PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh được ủy quyền thay mặt PGS.TS Trần Xuân Trường, Chủ tịch Hội đồng trường trình bày bản tự đánh giá, xếp loại

- Ý kiến góp ý:

+ PGS.TS Lương Quang Khang: Đề nghị ban hành Nghị quyết, Quy chế để kịp thời triển khai các nhiệm vụ đặt ra. Chủ tịch Hội đồng trường xứng đáng đánh giá ở mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ TS Hoàng Anh Dũng: Trong năm học vừa qua, với cương vị vai trò Bí thư, Chủ tịch HĐT đã thực hiện được nhiều công việc, đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên trong bản tự đánh giá đồng chí vẫn còn kiêm tốn, một số công việc chưa hoàn thành là do lỗi hệ thống không hoàn toàn do lỗi chỉ đạo cá nhân. Đồng chí xứng đáng xếp loại mức A+.

+ GS.TS Bùi Xuân Nam: Đồng chí Trần Xuân Trường là cán bộ có tâm huyết, sát sao trong công tác chỉ đạo tất cả các mảng công tác. Cần triển khai hài hòa các hoạt động nhanh chóng, kịp thời hơn trong vấn đề bổ nhiệm cán bộ, để tránh ảnh hưởng tâm tư, nguyện vọng cán bộ.

+ PGS.TS Triệu Hùng Trường: Trong công tác chỉ đạo không thể tránh khỏi có khuyết điểm, hạn chế, tuy nhiên nhất trí với các ý kiến của các đồng chí, đề xuất đồng chí bí thư hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Cần xây dựng rõ ràng quy trình xử lý công việc tránh chồng chéo.

3. GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng trình bày bản tự đánh giá, xếp loại.

4. PGS.TS Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng trình bày bản tự đánh giá, xếp loại.

5. GS.TS Trần Thanh Hải, Hiệu trưởng trình bày bản tự đánh giá, xếp loại.

- Các ý kiến đóng góp cho bản tự đánh giá, xếp loại của Ban Giám hiệu:

+ TS Lê Xuân Thành: Trường ĐH Mỏ đã vượt qua được giai đoạn khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid. Rất ấn tượng với công tác chỉ đạo của GS.TS Bùi Xuân Nam, đặc biệt là trong nghiên cứu khoa học, công tác kiểm định. Đối với PGS.TS Triệu Hùng Trường trong công tác quản lý sinh viên, do ảnh hưởng dịch bệnh covid thi mọi hoạt động cho sinh viên đều phải thay đổi, tuy nhiên đồng chí đã chỉ đạo sát sao và đạt được một số diểm nhấn đặc biệt trong công tác giáo dục quốc phòng, công tác nội chính chuyển đổi số thành công.

Một số hạn chế: Có một số quyết định cần ban hành gấp nhưng quy trình chưa đáp ứng được kịp thời, rất mong Đảng ủy trường, Hội đồng trường ban hành quy trình để công việc đáp ứng kịp thời. Cần có điều chỉnh về đường lối chỉ đạo để vừa mang tính chỉ đạo vừa hợp lòng cán bộ, viên chức.

Đề xuất: Ban Giám hiệu và Chủ tịch Hội đồng trường đạt mức xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

+ PGS.TS Nguyễn Việt Hà: Đồng ý với nội dung đồng chí Thành vừa nêu. Đánh giá cao sự lãnh đạo của Ban Giám hiệu trong thời gian vừa qua, tuy gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid nhưng quyền lợi của cán bộ, viên chức đã được cải thiện như tiền vượt giờ của giảng viên, thu nhập tăng thêm. Trong công tác tuyển sinh có bước tiến vượt bậc, mở được nhiều ngành đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Đồng chí Triệu Hùng Trường rất sát sao, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, riêng đối với phòng Quan hệ công chúng là động lực để phòng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đề xuất BGH và Chủ tịch HĐT hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ TS Bùi Thị Thu Thủy: Đánh giá cao những công sức, chỉ đạo của các đồng chí, tuy nhiên mong đợi nhiều thành tích vượt bậc hơn nữa. Công nhận các đồng chí là những người tâm huyết, nhiệt tình. Còn băn khoăn công tác tuyển sinh đã thực sự bứt phá, an toàn hay chưa. Hi vọng, Nhà trường sẽ có những bước nhẩy vượt bậc và chính sách, định hướng của Ban Giám hiệu sẽ thu hút được nhiều nhân lực chất lượng cao, cũng như công tác tuyển sinh đạt chất lượng.

Đề xuất BGH và Chủ tịch HĐT hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ PGS.TS Khổng Cao Phong: Đồng ý kiến với cô Thủy, sự phát triển của Nhà trường trong giai đoạn vừa qua so với các trường xung quanh cùng ngành đào tạo đã thực sự vượt bậc. Cần đưa ra chính sách phù hợp để Nhà trường phát triển, thu nhập cán bộ có tăng nhưng chưa đáng kể, tình hình cán bộ chuyển công tác đang diễn ra nhiều.

+ GS.TS Bùi Xuân Nam: Đồng ý với ý kiến thầy Phong, nếu so sánh thu nhập của cán bộ, viên chức với các trường xung quanh thì thu nhập cán bộ, viên chức vẫn còn quá

thấp, cảm thấy đã cố gắng hết sức nhưng chưa cải thiện thu nhập của cán bộ, vậy tại sao chúng ta không làm được khi nguồn lực chúng ta đầy đủ.

+ PGS.TS Nguyễn Đức Khoát: Thu nhập đối với cán bộ giảng viên cũng đã tăng đáp ứng được phần nào, nhưng đối với khối hành chính thì thu nhập quá thấp. Đồng tình với ý kiến của cô Thủy, mặc dù tuyển sinh tốt nhưng bị lệch ở các ngành đào tạo nên sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo do thiếu hụt đội ngũ cán bộ. Cần đưa ra được mục tiêu chung để đánh giá tốt, nên tiếp cận thay đổi cách đánh giá, xây dựng vị trí việc làm để hoàn thiện hệ thống đánh giá.

+ GS. TS Trần Thanh Hải: Mỗi đơn vị có độ tự chủ khác nhau nên cơ chế quản lý cũng sẽ khác nhau, tạo nên sự khó khăn trong việc thu hút nhân tài. Tất cả những khuyết điểm, hạn chế thì Ban Giám hiệu là người đứng đầu sẽ chịu trách nhiệm, từng bước cố gắng để đưa Nhà trường phát triển.

+ PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh: Nội dung đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức không cần thiết phải đợi đề án vị trí việc làm mới có thể thực hiện, đề án vị trí việc làm chỉ có 02 nội dung là định biên số người làm việc và tiêu chuẩn công việc. Đối với hệ thống KPIs cứ không hoàn thành công việc là trừ điểm vì nó là kênh xác định mục tiêu.

Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín:

- Tổ kiểm phiếu gồm:

1.	Ông Nguyễn Việt Hà, Trưởng phòng QHCC và DN	Tổ trưởng;
2.	Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Bí thư Đoàn thanh niên trường	Thành viên;
3.	Ông Nguyễn Viết Nghĩa, P. Trưởng phòng phụ trách phòng XB	Thành viên;
4.	Bà Trần Thị Phúc An, Trưởng khoa LLCT	Thành viên;
5.	Ông Lê Đức Vinh, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ	Thành viên;
6.	Ông Diêm Công Hoàng, Giám đốc Trung tâm NNTH HUMG	Thành viên;
7.	Ông Lê Văn Hưng, Giám đốc Trung tâm TT - TV	Thành viên;
8.	Ông Đặng Trung Thành, Trưởng khoa Xây dựng	Thành viên;
9.	Ông Phạm Quốc Đảm, Trưởng khoa GDQP	Thành viên.

Kết quả kiểm phiếu được ghi cụ thể trong biên bản kiểm phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo).

Công bố kết quả kiểm phiếu mức xếp loại Ban Giám hiệu:

+ GS. TS Trần Thanh Hải: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+)

+ GS. TS Bùi Xuân Nam: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+)

+ PGS.TS Triệu Hùng Trường: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+)

6. GS. TS Trần Thanh Hải, Chủ tịch Hội đồng thông qua kết luận cuộc họp

7. Cuộc họp kết thúc lúc 16h00 phút cùng ngày.

THƯ KÝ **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

Nguyễn Ngọc Khánh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC QUẢN LÝ VÀ TẬP THỂ NĂM HỌC 2021 - 2022

(Tại cuộc họp Hội đồng đồng trường là viên chức của Trường)

I. Thời gian: 15 giờ 10 phút, ngày 16/11/2022.

- Địa điểm: Phòng họp Phố Yên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Số 18, Phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

II. Tổ kiểm phiếu gồm:

1. TS Hoàng Anh Dũng	- Tổ trưởng;
2. PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	- Tổ viên;
3. PGS.TS Đỗ Ngọc Anh	- Tổ viên;
4. PGS.TS Lê Hồng Anh	- Tổ viên;
5. PGS.TS Lê Đức Tình	- Tổ viên;
6. PGS.TS Khổng Cao Phong	- Tổ viên;
7. ThS Nguyễn Thị Thúy Hằng	- Tổ viên.

II. Kết quả kiểm phiếu.

- Số phiếu phát ra: ....12.....phiếu;
- Số phiếu thu vào: .....12....phiếu;
- Số phiếu hợp lệ: ....12.....phiếu;
- Số phiếu không hợp lệ: ..0..phiếu.

Kết quả cụ thể trong file đính kèm.

Công tác kiểm phiếu kết thúc lúc ..15.... giờ ..30..... phút cùng ngày.

Chủ tịch Hội đồng

Đại diện tổ kiểm phiếu

Hoàng Anh Dũng

Nguyễn Đức Khoát

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI PHÓ HIỆU TRƯỞNG NĂM HỌC 2021 - 2022

Tại cuộc họp Hội đồng trường (thành viên là viên chức của Trường)

I. Thời gian: 14 giờ 50 phút, ngày 16/11/2022.

- Địa điểm: Phòng họp Phổ Yên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Số 18, Phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

II. Tổ kiểm phiếu gồm:

1. TS Hoàng Anh Dũng - Tổ trưởng;
2. PGS. TS Lê Hồng Anh - Tổ viên.
3. PGS.TS Khổng Cao Phong - Tổ viên.

II. Kết quả kiểm phiếu.

- Số phiếu phát ra: ...12.....phiếu;
- Số phiếu thu vào: ..12.....phiếu;
- Số phiếu hợp lệ: .....12.....phiếu;
- Số phiếu không hợp lệ: .0..phiếu.

Kết quả cụ thể trong file đính kèm.

TT	Cá nhân/Đơn vị	Kết quả xếp loại							
		A+		A		B		C	
		Số phiếu	Tỷ lệ	Số phiếu	Tỷ lệ	Số phiếu	Tỷ lệ	Số phiếu	Tỷ lệ
1	GS. TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng	12	92,3	0		0		0	
2	PGS. TS Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng	12	92,3	0		0		0	

Công tác kiểm phiếu kết thúc lúc ..15.... giờ ..10..... phút cùng ngày.

Chủ tịch Hội đồng | **Đại diện tổ kiểm phiếu**

Hoàng Anh Dũng

Nguyễn Đức Thắng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2022

BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG NĂM HỌC 2021 - 2022

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 14h00 ngày 16 tháng 11 năm 2022.

2. Địa điểm và thành phần:

Địa điểm: Phòng họp Phố Yên

Thành phần: Thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất là viên chức của Trường.

Số lượng có mặt: 13

Số lượng vắng mặt: 01 (Vắng PGS.TS Triệu Hùng Trường do đi công tác nước ngoài).

II. Nội dung:

1. PGS.TS Trần Xuân Trường, Chủ tịch HĐ trường thông qua nội dung cuộc họp

2. Đánh giá, xếp loại chất lượng Phó Hiệu trưởng

a) GS.TS Bùi Xuân Nam đọc bản tự đánh giá, xếp loại chất lượng: tự xếp loại mức hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Các ý kiến nhận xét:

+ PGS.TS Trần Xuân Trường: Đồng chí Nam là lãnh đạo linh hoạt, chủ động, quyết liệt trong công tác quản lý, là cán bộ gương mẫu đi đầu. Hai năm qua đồng chí đã đóng góp rất lớn vào công tác tuyển sinh, công tác kiểm định các chương trình đào tạo của Nhà trường, công tác tạp chí là 1 thành công vượt bậc, công tác quản lý trung tâm góp 1 phần quan trọng đối với các cơ quan đơn vị.

b) PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh thay mặt PGS.TS Triệu Hùng Trường đọc bản tự đánh giá, xếp loại chất lượng: tự xếp loại mức hoàn thành nhiệm vụ.

- Các ý kiến nhận xét:

+ PGS.TS Trần Xuân Trường: Đồng chí Trường là một trong những đồng chí có trách nhiệm, dám nói dám làm, chỉ đạo công tác đoàn thể, thanh tra kiểm tra, tư vấn tuyển sinh…cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ, một số nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc.

+ PGS.TS Nguyễn Đức Khoát: công tác đào tạo đại học trong điều kiện khó khăn nhưng đã đạt được thành công trong công tác tuyển sinh. Công tác mở ngành mới: Ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ Trung đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc bố trí đủ nhân lực cho các ngành. Nhìn vào bức tranh chung cần xem xét từ cấp bộ môn trở lên để đánh giá, xếp loại chất lượng Ban Giám hiệu.

3. Lấy phiếu ý kiến về xếp loại chất lượng Phó Hiệu trưởng

Tổ kiểm phiếu: 1. TS Hoàng Anh Dũng - Tổ trưởng;
2. PGS.TS Lê Hồng Anh - Tổ viên;
3. PGS.TS Khổng Cao Phong - Tổ viên.

4. Báo cáo kết quả kiểm phiếu xếp loại chất lượng Phó Hiệu trưởng (kết quả cụ thể kèm theo biên bản kiểm phiếu).

5. Chủ tịch Hội đồng thông qua biên bản cuộc họp và kết thúc cuộc họp.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h15 phút cùng ngày.

THƯ KÝ	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
Nguyễn Ngọc Khánh	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2022

BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC QUẢN LÝ VÀ TẬP THỂ NĂM HỌC 2021 - 2022

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 15h15 ngày 16 tháng 11 năm 2022.

2. Địa điểm và thành phần:

Địa điểm: Phòng họp Phổ Yên

Thành phần: Thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất là viên chức của Trường.

Số lượng có mặt: 13

Số lượng vắng mặt: 01 (Vắng PGS.TS Triệu Hùng Trường do đi công tác nước ngoài).

II. Nội dung:

1. PGS.TS Trần Xuân Trường, Chủ tịch HĐT chủ trì cuộc họp:

2. PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh báo cáo nội dung đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể và viên chức quản lý từ cấp bộ môn trở lên.

3. Lấy phiếu ý kiến về xếp loại chất lượng tập thể và viên chức quản lý

Tổ kiểm phiếu:	1. TS Hoàng Anh Dũng	- Tổ trưởng;
	2. PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	- Tổ viên;
	3. PGS.TS Đỗ Ngọc Anh	- Tổ viên;
	4. PGS.TS Lê Hồng Anh	- Tổ viên;
	5. PGS.TS Lê Đức Tình	- Tổ viên;
	6. PGS.TS Khổng Cao Phong	- Tổ viên;
	7. ThS Nguyễn Thị Thúy Hằng	- Tổ viên.

4. Báo cáo kết quả kiểm phiếu xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể (kết quả cụ thể kèm theo biên bản kiểm phiếu)

5. Chủ tịch HĐT kết luận thông qua biên bản cuộc họp.

Cuộc họp kết thúc lúc 16h00 phút cùng ngày.

THƯ KÝ **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

Nguyễn Ngọc Khánh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 736 /MĐC-TCCB

Về việc báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động năm học 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Vụ Tổ chức Cán bộ
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-MĐC ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý và thành viên HĐT là viên chức của Trường, tập thể năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 145/NQ-HĐT ngày 28/9/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2022 - 2023.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất kính gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo các văn bản liên quan đến báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động, đơn vị cấu thành (không bao gồm Hiệu trưởng và Chủ tịch Hội đồng trường) năm học 2022 - 2023.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: HCTH, TCCB(8).

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁ NHÂN NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Công văn số: 736/QĐ-MĐC ngày 08 tháng 12 năm 2023)

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
4	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	x				
5	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện	x				
6	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
7	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	x				
8	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện	x				
9	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
10	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	x				
11	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện	x				
12	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện	x				
13	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện	x				
14	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
16	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
19	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện		x			
20	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
21	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện			x		
22	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện			x		
23	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện			x		
24	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện			x		
25	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x		
26	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	x				
27	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	x				
28	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
29	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
30	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện	x				
31	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện	x				
32	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
33	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện			x		
34	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện					x
35	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x
36	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
37	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
38	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
39	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin	x				
40	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin			x		
41	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
42	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin			x		
43	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
44	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	x				
45	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin		x			
46	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin					x
47	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			

48	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
49	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	x				
50	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin		x			
51	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
52	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
53	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin			x		
54	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
55	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin		x			
56	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
57	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin	x				
58	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
59	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
60	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin	x				
61	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
62	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
63	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
64	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin	x				
65	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
66	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	x				
67	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin		x			
68	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
69	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
70	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin			x		
71	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
72	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin					x
73	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin	x				
74	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin	x				
75	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
76	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
77	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
78	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
79	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x				
80	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
81	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
82	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
83	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
84	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
85	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
86	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
87	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
88	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
89	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
90	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
91	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
92	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
93	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
94	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
95	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
96	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
97	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
98	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
99	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				

100	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
101	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
102	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
103	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
104	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
105	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
106	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
107	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
108	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
109	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
110	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
111	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
112	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
113	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
114	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
115	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
116	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
117	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
118	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
119	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
120	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
121	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
122	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
123	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
124	Ngô Văn Dương	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
125	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
126	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
127	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản			x		
128	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
129	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
130	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
131	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
132	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
133	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản	x				
134	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
135	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
136	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản			x		
137	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		
138	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
139	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
140	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
141	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
142	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
143	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
144	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
145	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
146	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
147	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
148	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
149	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
150	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
151	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		

152	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản		x			
153	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
154	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
155	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản			x		
156	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
157	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
158	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
159	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
160	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
161	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
162	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản	x				
163	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
164	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
165	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
166	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
167	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
168	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
169	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản	x				
170	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
171	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	x				
172	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
173	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
174	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x			
175	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
176	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
177	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	x				
178	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
179	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
180	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
181	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản			x		
182	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
183	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
184	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
185	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
186	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
187	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
188	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
189	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
190	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
191	Phạm Minh Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
192	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
193	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
194	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
195	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
196	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
197	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
198	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
199	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
200	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
201	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
202	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KTĐC			x		

203	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
204	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
205	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
206	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
207	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
208	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
209	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
210	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
211	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
212	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
213	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
214	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
215	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
216	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
217	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
218	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
219	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
220	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
221	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
222	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
223	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KTĐC					x
224	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KTĐC					x
225	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KTĐC					x
226	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
227	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
228	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
229	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KTĐC					x
230	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
231	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KTĐC					x
232	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KTĐC					x
233	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
234	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
235	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
236	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
237	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
238	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
239	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
240	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
241	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
242	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
243	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
244	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
245	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
246	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
247	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
248	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
249	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
250	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
251	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
252	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
253	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	x				

254	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
255	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
256	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
257	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
258	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
259	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
260	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
261	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
262	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
263	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
264	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
265	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
266	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
267	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
268	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD					x
269	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
270	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
271	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	x				
272	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
273	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	x				
274	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
275	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị		x			
276	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị	x				
277	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị		x			
278	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	x				
279	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
280	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	x				
281	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	x				
282	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	x				
283	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
284	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
285	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ		x			
286	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ			x		
287	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ			x		
288	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
289	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ				x	
290	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ		x			
291	Đặng Phương Thảo	Khoa Mỏ				x	
292	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x			
293	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x				
294	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ	x				
295	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ		x			
296	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ		x			
297	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ	x				
298	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x			
299	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ	x				
300	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ	x				
301	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
302	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ	x				
303	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ	x				
304	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ		x			

305	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ	x				
306	Trần Văn Được	Khoa Mỏ	x				
307	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ	x				
308	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x			
309	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ	x				
310	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ	x				
311	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
312	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ		x			
313	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ					x
314	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x
315	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
316	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
317	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
318	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường			x		
319	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
320	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		
321	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường			x		
322	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
323	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường			x		
324	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x				
325	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường			x		
326	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x			
327	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường	x				
328	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường		x			
329	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường		x			
330	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	x				
331	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x			
332	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x				
333	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
334	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x			
335	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường	x				
336	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
337	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường	x				
338	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x
339	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x
340	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x
341	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường					x
342	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
343	Phạm Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
344	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
345	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
346	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
347	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
348	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
349	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
350	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
351	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
352	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
353	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
354	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
355	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
356	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				

357	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
358	Trần Thuỳ Linh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
359	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
360	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
361	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
362	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
363	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
364	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
365	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
366	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
367	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
368	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
369	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
370	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
371	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
372	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
373	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
374	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
375	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
376	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
377	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
378	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
379	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
380	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
381	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
382	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
383	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
384	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
385	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
386	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
387	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
388	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
389	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
390	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
391	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
392	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
393	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
394	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
395	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
396	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
397	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
398	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
399	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng	x				
400	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
401	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng			x		
402	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng	x				
403	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
404	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
405	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
406	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x				
407	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
408	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng			x		

409	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	x				
410	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng	x				
411	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng	x				
412	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng		x			
413	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng	x				
414	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
415	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng		x			
416	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
417	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
418	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
419	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
420	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
421	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
422	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất		x			
423	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
424	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
425	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
426	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
427	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất		x			
428	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất			x		
429	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
430	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	x				
431	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất		x			
432	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
433	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất	x				
434	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất		x			
435	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
436	Phạm Thị Sâm	Phòng Cơ sở vật chất					x
437	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
438	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
439	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
440	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
441	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
442	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
443	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
444	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	x				
445	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học	x				
446	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học		x			
447	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo Đại học		x			
448	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học		x			
449	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học	x				
450	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học	x				
451	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học	x				
452	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học	x				
453	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học	x				
454	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học	x				
455	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đạo tạo sau đại học		x			
456	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
457	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
458	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
459	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD	x				

460	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD	x				
461	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD		x			
462	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
463	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
464	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
465	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
466	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
467	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
468	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
469	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
470	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
471	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
472	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
473	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
474	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
475	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
476	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
477	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
478	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
479	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
480	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp					x
481	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
482	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
483	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
484	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x				
485	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
486	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
487	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
488	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
489	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
490	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
491	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
492	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
493	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
494	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KHCN	x				
495	Trần Thị Hải Vân	Phòng KHCN		x			
496	Hoàng Thu Hằng	Phòng KHCN	x				
497	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KHCN	x				
498	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
499	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
500	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
501	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
502	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
503	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
504	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
505	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
506	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	x				

507	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản		x			
508	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản				x	
509	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm y tế	x				
510	Mai Ngọc Liên	Trạm y tế		x			
511	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm y tế	x				
512	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm dịch vụ			x		
513	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm dịch vụ		x			
514	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm dịch vụ		x			
515	Vũ Thế Hùng	Trung tâm dịch vụ	x				
516	Hà Tú Hương	Trung tâm dịch vụ		x			
517	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm dịch vụ	x				
518	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm dịch vụ	x				
519	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm dịch vụ		x			
520	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm dịch vụ		x			
521	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm dịch vụ	x				
522	Phan Thanh Chương	Trung tâm dịch vụ		x			
523	Trần Thị Dược	Trung tâm dịch vụ	x				
524	Phạm Thị Quy	Trung tâm dịch vụ		x			
525	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm dịch vụ		x			
526	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm dịch vụ	x				
527	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm dịch vụ	x				
528	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm dịch vụ	x				
529	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm dịch vụ	x				
530	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x				
531	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x				
532	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x			
533	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN CN cao	x				
534	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
535	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
536	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
537	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
538	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
539	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
540	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
541	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
542	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
543	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
544	Trần văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
545	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
546	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
547	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
548	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
549	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến					x
550	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
551	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	x				
552	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể		x			
553	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể	x				
554	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể	x				
555	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án	x				
556	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án		x			
557	Nguyễn Ngọc Dương	Ban quản lý các dự án	x				
558	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án	x				

559	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	x				
560	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện	x				
561	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	x				
562	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	x				
563	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
564	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
565	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện	x				
566	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện	x				
567	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
568	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện	x				
569	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện	x				
570	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện	x				
571	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	x				
572	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện	x				
573	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện	x				
574	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện	x				
575	Lê Văn Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
576	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin	x				
577	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
578	Diêm Công Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
579	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
580	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ thông tin	x				
581	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
582	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
583	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
584	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin	x				
585	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
586	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
587	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
588	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	x				
589	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin	x				
590	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin	x				
591	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
592	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
593	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
594	Nguyễn Thế Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
595	Lê Quang Duyến	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
596	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
597	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			

598	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
599	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
600	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
601	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
602	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
603	Hoàng Anh Dũng	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
604	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
605	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
606	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
607	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
608	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
609	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
610	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản	x				
611	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
612	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
613	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
614	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
615	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
616	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
617	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản	x				
618	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản		x			
619	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản	x				
620	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản	x				
621	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản	x				
622	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
623	Nguyễn Trường Thanh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
624	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản	x				
625	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
626	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
627	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
628	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
629	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
630	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
631	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
632	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
633	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
634	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
635	Phạm Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
636	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				

637	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
638	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
639	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
640	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
641	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
642	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
643	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
644	Trần Anh Dũng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
645	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
646	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
647	Lê Minh Thống	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
648	Đào Anh Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
649	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
650	Nguyễn Ngọc Khánh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
651	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
652	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	x				
653	Nguyễn Thi Phương	Khoa Lý luận chính trị			x		
654	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị	x				
655	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
656	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ	x				
657	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ	x				
658	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ	x				
659	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	x				
660	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ		x			
661	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ	x				
662	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ	x				
663	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ	x				
664	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ	x				
665	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ	x				
666	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ	x				
667	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường	x				
668	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường	x				
669	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường	x				
670	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường		x			
671	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường	x				
672	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường		x			
673	Bùi Ngọc Quý	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
674	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
675	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			

676	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
677	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
678	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
679	Lê Đức Tình	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
680	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
681	Nguyễn Việt Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
682	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
683	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
684	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
685	Dương Thành Trung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
686	Lưu Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
687	Hoàng Thị Thủy	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
688	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
689	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
690	Phạm Thế Huynh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
691	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
692	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng	x				
693	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	x				
694	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	x				
695	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng	x				
696	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng		x			
697	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng	x				
698	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	x				
699	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng	x				
700	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng	x				
701	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
702	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
703	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
704	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
705	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
706	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm y tế	x				
707	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
708	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
709	Trần Thị Thu Trang	VP Đảng - Đoàn thể	x				
710	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	x				
711	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng TCCB	x				